THÀNH DUY THỨC LUẬN DIỄN BÍ

QUYỂN 2
(PHẦN ĐẦU)

Sớ: Nay nói lìa thức lựa chọn lỗi trái tông.

Hỏi: Giả sử nói khác thức, đâu có trái tông?

Đáp: Trong tông Đại thừa sắc của thức khác không phải không có.

Sớ: Hơi tương cận v.v...

Tương tợ gọi là cận, Đại thừa Tiểu thừa đều nói tâm là năng thủ, tâm tức là thức. Có thuyết nói, thể tức là thức nên bàn tâm vương ấy, hơi tương cận nên nói tâm sở kia.

Biện rằng: Đây chưa chắc đúng, ý nào tâm sở chỉ gọi là tương cận? Nếu tợ gọi là cận, vì sao không bao gồm tâm? Cận tâm vương gọi là cận cảnh, lại càng gần hơn, sao trước bèn phá? Hoặc căn cứ một bên nghĩa ắt thông, nhưng thành phiền toái.

Sớ: Đối có ba loại.

Hỏi: Đối là nghĩa gì?

Đáp: Là ngại.

Ngại có hai nghĩa: Một là chướng ngại gọi là ngại, hai là câu ngại gọi là ngại, ba là trong hữu đối chướng ngại hữu đối. Chướng ngại gọi là ngại, sở duyên cảnh giới, câu ngại gọi là ngại.

Sớ: Cảnh giới hữu đối v.v...

Nhưng cảnh câu ngại năng chiếu căn, thức có nhiều sai biệt, cho nên Thi Thiết luận nói như vầy: Có mắt đối với nước có ngại chẳng phải đất liền, như mắt của cá v.v...; có mắt đối với đất liền có ngại chẳng phải nước, từ nhiều phần nói như mắt người v.v...; có mắt đều ngại, như mắt của Tất-xá-giá, Thất-thú-ma-la v.v...; có đều không ngại, nghĩa là trừ tướng trước; có mắt đối với đêm có ngại chẳng phải ban ngày, như mắt chim cú v.v...; có mắt đối với ngày có ngại chẳng phải ban đêm, từ nhiều phần thuyết như mắt của người v.v...; có mắt đều ngại, như các mắt của dã can v.v...; có mắt đều không ngại, nghĩa là trừ tướng trước,

giải thích Thi Thiết luận là một trong Lục Túc do Đại Ca-na-diễn-na tạo. Tất-xá-giá là Hán dịch là Thực huyết nhục, là tên khác của quỷ. Thất-thú-ma-la là loài bàng sinh, thân hình giống như ấu trùng của loài rùa vàng, nhỏ thì hai trượng, lớn thì một trăm thước. Đều không ngại, tức là những người mù.

Hỏi: Căn, thức đều có thể duyên chiếu tự cảnh, sao gọi là ngại?

Đáp: Chỉ vì tự cảnh câu tự căn thức, không khiến đối với các cảnh v.v... chuyển, hoặc khi tự cảnh v.v... hòa hợp chuyển, đối với các cảnh khác không được khởi nên gọi là ngại. Cho nên trong Câu-xá luận ghi: Tại sao nhãn v.v... lúc đối với tự cảnh giới sở duyên chuyển gọi là hữu đối? Vượt khỏi nó, ngoài ra ở đây không chuyển. Hoặc lại ngại là nghĩa hòa hợp, nghĩa là nhãn v.v... các pháp đối với tự cảnh giới và tự sở duyên hòa hợp chuyển. Giải thích rằng, cùng hỏi cùng đáp, cảnh giới sở duyên cả hai hữu đối, trong giải thích có hai, đều do câu ngại gọi là ngại.

Sớ: "Tâm tâm sở pháp" đến "gọi là sở duyên".

Hiển bày sở duyên hữu đối, chấp còn suy nghĩ nương gá, tâm tâm sở pháp tánh nó yếu kém, chẳng phải cảnh không sinh, giống như người yếu không có gậy không đứng dậy được, cho nên cảnh ấy là tâm sở lự, gọi là sở duyên. Đây căn cứ hữu duyên dụng của nó mới khởi, chẳng phải ắt chánh khởi cho nên tâm quá khứ, vị lai cũng gọi hữu đối, ngại duyên cảnh dụng gọi là sở duyên đối.

Sớ: Nếu đối với pháp ấy v.v...

Hiển cảnh giới đối, đối với sắc kia, nhãn nhĩ này có công năng thủ cảnh thấy nghe v.v... nói sắc này là cảnh của nhãn v.v..., công năng sở thác gọi là cảnh giới, như người đối cảnh có công năng thù thắng, liền nói nó là cảnh giới của ngã, đây đứng về có công năng, chẳng cần khởi dụng nên cảnh đồng phần vẫn gọi là hữu đối, ngại thủ dụng của cảnh gọi là cảnh giới đối.

Hỏi: Thủ và duyên có gì khác?

Đáp: Thủ nghĩa là chiếu soi, duyên nghĩa là duyên lự, nên hai pháp sai khác.

Lại trong Câu-xá luận liệu giản câu và số rằng: Nếu cảnh giới pháp hữu đối cũng chướng ngại hữu đối ư? Nên làm bốn câu, nghĩa là bảy tâm giới, pháp giới một phần các pháp tương ưng là câu thứ nhất, sắc v.v... năm cảnh là câu thứ hai, nhãn v.v... năm căn là câu thứ ba, một phần pháp giới chẳng phải pháp tương ưng là câu thứ tư. Nếu pháp cảnh giới hữu đối cũng sở duyên hữu đối ư? Lẽ ra thuận câu sau?

Đáp: Nghĩa là như sở duyên hữu đối nhất định là cảnh giới hữu

đối, tuy cảnh giới hữu đối mà chẳng phải sở duyên hữu đối, nghĩa là nhãn v.v... năm căn.

Sớ: "Nhưng Kinh bộ" đến "mười chỗ sở nhiếp".

Cũng như Đại thừa mười tám giới, Thức thứ sau, thứ tám duyên làm cảnh đối căn hợp pháp xứ nhiếp, từ sở sinh hiện mười tám giới, đây cũng tương tợ.

Sớ: "Chánh Lý luận" đến "vì riêng có sắc".

Hỏi: Hữu bộ cũng vậy, sao lại tranh cãi?

Đáp: Chánh lý vặn hỏi ý ngã thô tế thật, có thể tế từ thô ở mười chỗ, thô của ông đã giả, tại sao thật tế từ giả mười xứ chẳng phải pháp xứ? Ý của Kinh bộ nói, tuy giả thật sai khác tùy chỗ thành thô ở mười chỗ chẳng phải pháp xứ nhiếp nên có tranh cãi.

Sớ: Trong Tát-bà-đa v.v... thô tế đều thật.

Thuyết xuất thế và Thuyết giả bộ. Thuyết giả bộ chấp uẩn môn đều thật. Thuyết xuất thế nói xuất thế đều thật, nên sắc thô tế ở uẩn, xuất thế ắt đều là thật, nên sớ v.v... nói "vân vân". Hai tông đây đều là phần nhỏ, bộ khác hoàn toàn đồng, hoặc lại hoàn toàn khác, cho nên không đồng.

Sớ: Năm căn v.v... cũng nhiếp ở trong đó.

Hỏi: Lượng đây đối với ai?

Đáp: Lược làm ba giải thích:

1. Đối với Hữu bộ, năm căn cảnh v.v... nhiếp nhập trong tông nên không có bất định, nếu với Kinh bộ có lỗi tương phù. Kinh bộ căn v.v... đều là giả, tuy phá năng thành để ngăn bất định, bao gồm phá căn v.v... cũng không có lỗi.

2. Đối với Kinh bộ, năm căn, cảnh v.v... nhiếp nhập đồng dụ, ý luận chỉ phá vi năng thành.

3. Nhưng phá hai tông, nhưng riêng làm lượng, nếu dùng một lượng phá hai tông tiến thoái có lỗi, suy nghĩ có thể biết, nghĩa thứ ba đủ, hai lý trước thông.

Sớ: "Vô vi" đến "không có bất định".

Chẳng phải sắc dụ nói nhiếp Vô vi v.v... Vô vi không ngại, không thành y v.v... nên vào đồng ở trong, cho nên trong luận không được làm bất định.

Sớ: Hai lượng đây phá Kinh bộ.

Biện rằng: Do bài xích tông pháp mà làm nhân kia thành chẳng phải thật có, thông ba lượng trước cũng nên không có lỗi, đã thành tông pháp vì được làm nhân.

Sớ: Cực vi có phương phần, lý lẽ ra không thành một.

Dùng một cực vi đối sáu phương diện gọi là có phương phần, đã có sáu phương sở đối không đồng, vi năng đối tại sao một thể? Nên lập lượng rằng, sở chấp cực vi thể lẽ ra chẳng phải một vì có thể phân tích, vì có phương phần, như các sắc thô.

Sớ: Không đúng, nhân có tùy theo không thành.

Nếu dùng văn đây đối Kinh bộ, không có phương phần nhân lại thành tùy một, Kinh bộ không thừa nhận vì không phương phần.

Sớ: Làm lượng đồng với trước.

Đồng với trước nương ánh sáng phát lượng trong bóng, vặn hỏi cực vi kia khiến có phương phần.

Sớ: Tụ lẽ ra như cực vi.

Một chỗ cực vi nếu có sáu vi, lẽ ra các sắc tụ như lượng cực vi, triển chuyển đến nhau lượng không có lỗi thì phải tụ sắc cũng không có thể thấy.

Sớ: Xúc cùng không xúc đều nên có phần.

Nếu xúc thì tương đối ngại, lý có phương phần, giả sử không xúc chạm, suy nghĩ phải sáu phương cũng phải có phần, nếu không như vậy sao gọi là đối sắc?

Sớ: Tụ không khác, không hai.

Tụ không khác là nêu lại Hữu tông chống chế, tụ sắc cùng vi mà không khác. Nói không hai, ngài Thiên Thân vặn hỏi họ, tụ sắc lẽ ra không ảnh và chướng, pháp tức cực vi, cũng như cực vi.

Sớ: Đây kết lỗi.

Đã phá cực vi chẳng phải thật có, đã thành lượng trước rằng: Sắc hữu đối bên ngoài nhất định chẳng phải thật có, nhân đó không có lỗi.

Sớ: Đây chẳng phải tha tâm v.v... các cảnh.

Tha tâm trí chỉ duyên tha tâm không duyên căn, vả lại y phàm phu, sáu thức tán tâm không được, Thức thứ sáu tuy duyên nhưng chẳng phải hiện được, nên ắt trừ, lý thaửca các bậc Thánh khác chẳng phải nhất định sáu thức cũng không được, trong nhân của Thức thứ bảy kia tự tha đều không duyên căn, quả tha không thừa nhận nên cũng không lựa chọn.

Luận: Do năng phát thức so sánh biết là có.

Sơ lược nói so sánh biết lược có bốn loại:

1. Dùng nhân so sánh quả, như quán hiện pháp có dẫn dụng ở sau biết quả sở dẫn.

2. Dùng quả so sánh nhân, tức quán hiện pháp có đáp nghĩa trước

biết nhân năng dẫn.

3. Dùng thể so sánh dụng, quán pháp sở thành mà biết tác giả, tác cụ sai khác.

4. Dùng dụng so sánh thể, quán tác giả v.v... biết pháp sở thành. Nay luận đã nói dùng quả biết nhân, do dụng so sánh thể.

Luận: Sắc hữu đối bên ngoài lý không thành v.v...

Trong luận ý nói năm căn chỉ là nội thức biến hiện vì ở sau tự nói năm trần cảnh. Nhưng hữu đối nói và nội thức biến nghĩa bao gồm căn cảnh. Sớ chủ nhân nêu bày các tông năm trần, không nói văn đây là rõ trần, nên tổng kết rằng: Hữu đối ngoài tâm trước đã ngăn phá, nên các căn đây chỉ là sở biến hiện của nội thức.

Hỏi: Nếu vậy vì sao dẫn nghĩa tụng quán sở duyên duyên mà dùng làm chứng?

Đáp: Ý lấy thức biến một bên làm chứng, có nghĩa phá rằng: Sớ nói ở đây nói cảnh sở duyên là thức sở biến chẳng phải vi bên ngoài thành, nay không y nơi đây, nếu đã hiển cảnh là nội thức biến, vì sao kế sau lại nói nhãn v.v... sở duyên duyên lý chẳng phải có ư? Đủ biết văn đây chỉ hiển năm căn là thức sở biến.

Biện rằng: Bàn luận sao dễ dàng mà thấy riêng bài xích, trong sớ tại sao có thuyết nói đây nói sở duyên đâu không tự thêm? Lại khoa trước trong sớ phân rõ tự chỉ rõ căn cảnh v.v... sai khác, rõ ràng sớ không lầm, phải tìm xét kỹ.

Sớ: Do có quá khứ năm thức tướng phần làm năm trần.

Năm thức sở biến tướng phần ở đời quá khứ huân thành hiện hành đời sau, nay làm cảnh của thức, nên luận Quán Sở Duyên ghi: "Hoặc tướng thức trước làm duyên thức sau", dẫn sinh trong bản thức tợ công năng tự quả khiến khởi, vì không trái lý.

Sớ: Không thấy hương vị thông với giả.

Tuy không rõ văn, theo lý mà nói cũng được có giả, như hòa hợp hương có thể thừa nhận là giả, cho nên trong luận Du-già quyển 54 ghi: "Trong hư không, trong phong không có câu sinh hương". Chỉ có giả hợp, đã nói giả hợp thì biết rõ là giả, trong vị ắt có vị hòa hợp, loại hương thông giả.

Sớ: Nghĩa là từng hiện thấy sắc v.v...

Thích luận giải thích rằng: Từng thấy sắc, nghĩa là năng trì thức quá khứ thọ dụng nghĩa hiển giới tánh. Hiện thấy sắc, nghĩa là năng trì thức hiện tại thọ dụng nghĩa để hiển giới tánh.

Giải thích rằng: Thọ là thủ, tức giải thích hiện thấy trước. Nghĩa

là cảnh, tức sắc trước do năng trì thức căn mới thủ cảnh, nên nêu sở trì để biết rõ giới, đây chỉ nói giới, giới nghĩa là năng trì, không nói nghĩa của nhãn, hoặc trì thức là hiển bày nghĩa giới kia, nghĩa của thọ dụng là nói nghĩa của nhãn kia.

Sớ: Và chủng tử đây.

Thích luận cho rằng, nghĩa là chủng tử nhãn hoặc chỉ có tích tụ là dẫn nhãn đương lai, hoặc đã thành tựu, vì sinh nhãn căn hiện tại.

Giải thích rằng: Do chủng tử này hay sinh nhãn căn hiện hành của hai đời, nhân nhãn căn cho nên cũng gọi là nhãn giới, nên luận ấy ghi: Nên hai loại đây gọi là nhãn giới, vì nhãn sinh nhân, nhãn chủng hai đời gọi là hai chủng, nhân nghĩa gọi là giới, tổng lấy hai nghĩa trì và nhân gọi là giới. Nhưng luận Du-già quyển 56 có sáu nghĩa gọi là giới, sợ dài dòng nên không chép đủ, các căn khác chuẩn theo đây.

Sớ: Do khi bản huân v.v...

Căn thật chỉ có chủng, do khi huân chủng tâm biến tợ sắc, Đối Pháp căn cứ khi huân này tương tợ sắc gọi là hiện sắc, các căn khác cũng vậy.

Sớ: Quả thức của đối sở sinh v.v...

Quả pháp năng sinh gọi là công năng, sắc căn hiện hành năng sinh quả thức, căn cứ giả thuyết này hiện hành sắc căn gọi là công năng, công năng tức là tên khác của chủng tử.

Sớ: Công năng sinh thức v.v...

Đại thừa Tiểu thừa đều thừa nhận căn gọi là công năng, sở dĩ luận nói phát nhãn v.v... thức gọi là nhãn v.v... căn, nêu công năng hiển bày, do thể có tranh cãi nên luận không đưa ra thể của căn.

Biện rằng: Chỉ có hiện gia hiểu ý luận sở duyên gọi là công năng. Luận nói công năng căn cứ thuyết cực thành, tuy thật hiện sắc là nhãn v.v... căn do không cực thành nên luận không nói.

Sớ: "Ở sau phá sở duyên duyên" đến "thứ ba kết nghĩa chánh".

Biện rằng: Xét trong văn sau, đoạn kết quy về nghĩa chánh, chính là đoạn văn lớn thứ ba tổng phá trong hữu đối sắc, trừ ở đây lại không có chỗ quy về chánh nghĩa. Sau phá Hữu bộ, tuy kết lại rằng: Thừa nhận có cực vi cũng gây ra lỗi đây, nhưng không có chỗ kết quy về chánh nghĩa. Theo lý nên nói rằng, sau tổng kết tức là lại nói thừa nhận có văn của cực vi v.v... Hoặc có thể, văn nói huống gì không có chân thật cực vi ngoài thức, tức chánh nghĩa.

Sớ: "Người ngoài chấp tha thân tâm" đến "nên nay phủ nhận nó".

Có nghĩa đây cũng không đúng, văn luận chỉ phá hữu đối thật sắc không phá tâm, lại lý chẳng phải có, trước chỉ văn phá, trước chỉ phá sắc vì không phá tâm, chỉ nói nghĩa lại tổng nêu tông, chẳng phải ý văn, tức không có lỗi.

Biện rằng: Tuy bản ý phá hữu đối bên ngoại, luận nay dùng sở duyên duyên kia phá, sở duyên duyên rộng, nghĩa hữu đối hẹp, do rộng thành hẹp phá tha tâm v.v... chẳng phải tự thân duyên, đây có lỗi gì? Nếu không thừa nhận, tức luận đây nêu sở duyên duyên để nói, nghĩa nhiếp không hết lại có lỗi bất định, họ thừa nhận tha tâm tuy là sở duyên chẳng phải tự thức biến, là vì từ ngoài, nên biết luận bao quát tất cả sở duyên duyên, không được nói chẳng phải ý văn. Lại ý sớ nói: Tha tâm, tâm v.v... chẳng phải tự thân duyên, chẳng phải sở duyên, không bài xích nghĩa của tâm, vì sao vặn hỏi rằng: Luận chỉ phá sắc không phá tâm? Vặn hỏi đánh mất ý chỉ của sớ, đắc luận huyền diệu, sớ thật có thể xem.

Sớ: Các hàng Dự lưu v.v...

Trong khoảng một sát-na thọ v.v... tâm sở lại có thể tự duyên.

Hỏi: Vì sao chỉ riêng Sơ quả?

Đáp: Tất cả đều được, phàm phu không rõ, cho nên không nói, Dự lưu là Thánh quả đầu tiên nên nêu để ví dụ các quả khác.

Sớ: Đây tức tổng nêu cùng thừa nhận nghĩa sở duyên duyên.

Có nghĩa bài xích rằng: Nếu tổng nêu cùng thừa nhận sao gọi là ông chấp? Lại nghĩa tự tông đoạn trước đã nói, đâu cần nói lại, nay biện thân duyên, lẽ nào trong Đại thừa hay dẫn tự thức là sở dẫn thân sở duyên duyên này?

Biện rằng: Sở duyên duyên là cảnh sinh thức, danh nghĩa đây Đại thừa Tiểu thừa cùng thừa nhận, gọi đó là cộng, chẳng phải nói duyên thể tánh đây sai khác, tất cả dẫn đồng gọi là cộng. Cũng như Nhân Minh nghĩa cộng tỷ lượng mà chỗ tranh cãi tông thật không đồng. Trước nêu sở duyên nói rõ là tự thức biến, chưa rõ nghĩa nào gọi là sở duyên duyên? Nay lập cùng thừa nhận trong sở duyên duyên tha thừa nhận nghĩa nói chấp nào có trái? Vặn hỏi dẫn tự thức nêu bày đủ biết đây sai.

Sớ: "Pháp ắt có tự thể" đến "là sở duyên".

Có nghĩa tợ cảnh tướng kia chẳng phải là sở duyên, thuộc về năng duyên nên nói tợ, cảnh gọi là sở duyên ắt không đúng lý.

Biện rằng: Đây bởi tợ phá, ở trong không có lỗi vọng sinh lỗi. Sớ bàn ý kia, trên thức ắt có tướng tợ cảnh, cảnh của sắc ấy v.v... mới gọi là sở duyên, nếu không như vậy liền trái, vì sao? Năng duyên không

có nó vì lấy dụng của cảnh. Lại như khi nhãn thức duyên sắc, trên thức nếu không có tướng tợ cảnh, sắc cảnh gọi là nhãn sở duyên, sắc ắt là nhĩ thức sở duyên, nhĩ thức cũng không có tướng tợ sắc, nếu không như vậy tỷ lượng trái nhau. Nếu thừa nhận như vậy có lỗi tạp loạn, do đây cần phải có tướng tợ cảnh, nhưng văn giản lược mà nghĩa rườm rà, cần phải đọc nhiều và suy xét kỹ, mới tỏ ngộ ý chỉ thâm sâu, trong sớ không quyết đoán vì tướng tợ cảnh thuộc về sở duyên. Lại trong sớ nói tiếp: Tướng tợ cảnh ấy tức là hành tướng Đại thừa Tiểu thừa sai khác, giải thích bốn phần xứ ắt tự rõ.

Sớ: Nay lấy làm dụ, ý lấy ít phần.

Nhưng lấy chẳng phải duyên một phần làm dụ, gọi là ít phần.

Sớ: Do năm thức là hữu pháp gồm thâu v.v...

Không có lỗi, như trong Nghĩa Đăng chép đủ.

Hỏi: Vốn thành hòa hợp chẳng phải năm thức duyên, nay ý ở trong pháp, năm ở trong hữu pháp, bèn thành hòa hợp chẳng phải là ý duyên, liên quan gì đến năm thức, nếu vậy vì sao trong tụng nói năm thức?

Đáp: Năm thức tuy hữu pháp cũng gọi là sở lập, cho nên như trong luận Du-già ghi: Vì sao sở lập có hai, đó là tự tánh và sai biệt? Lý môn cũng nói, chỉ do pháp cho nên thành ở pháp, như vậy thành lập hữu pháp.

Hỏi: Trong pháp nói lập, rõ chẳng phải thật thừa nhận trên mặt trăng thứ hai lập năm sở duyên, lý rốt cuộc có lỗi gì mà ở trong pháp phải trừ năm?

Đáp: Họ thừa nhận tự trái dù họ gọi là lập, họ vốn không thừa nhận làm sao gọi là lập.

Biện rằng: Xem khắp các kinh điển lập có hai đường:

1. Họ thừa nhận tự tông không thừa nhận có lập.

2. Tự tha tuy tổng không thừa nhận vì có chỗ tranh đoạt giả, giả sử họ cũng nói lập, tức nhiếp Đại thừa lập thừa nhận Kinh bộ nói sắc tâm cùng làm nghĩa Vô gián duyên, như ở sau sẽ rõ. Mặt trăng thứ hai dụ tha tuy không thừa nhận là năm sở duyên, vì đoạt ở duyên, giả sử thừa nhận sở duyên, lý cũng đâu có lỗi, vì đồng Nhiếp luận. Nếu chuẩn theo lý đây, bài tụng năm thức kia đối với pháp lẽ ra cũng không có lỗi, cần phải xét kỹ.

Sớ: Cũng chẳng phải pháp tánh v.v...

Tánh là thể, vì không có thật thể nên gọi là chẳng phải pháp tánh.

Sớ: Nghĩa cần phải thêm bớt.

Hoặc có sớ nói không cần thêm bớt, lược làm hai giải thích:

1. Nghĩa là đúng, chữ "chẳng" là sai, nhưng cảnh hữu vô tuy đều là sở duyên, nhưng ý sở duyên chẳng phải cảnh năm thức, căn cứ nghĩa mà nói cần phải thêm bớt, chẳng phải văn không đúng cần phải thêm bớt.

2. Chữ "chẳng" là đúng, nghĩa nói lầm, văn ấy đã đúng. Trong giải thứ nhất không cần bớt năm chữ "năm thức lập sở duyên", chỉ như ban đầu làm năm ở trong hữu pháp, tức không có lỗi. Hai giải thích đều thông, giải thích sau thuận hơn.

Sớ: "Nhưng xúc" đến "không đồng với dài".

Nhưng địa v.v... tăng thêm gọi là nhám, trơn v.v... không đồng với hình tướng đối lập là dài.

Hỏi: Dài ngắn vì sao thuộc tụ và tập?

Đáp: Nếu nói về hình tướng tức tương đãi giả, căn cứ nhiều pháp thành gọi là tụ tập giả, cũng không trái nhau.

Sớ: Như mạng v.v...

Mạng căn của tông Đại thừa, thể là giả pháp, ý sở duyên duyên chứng tự năm thức duyên nội thức giả.

Sớ: Trên năm thức không có tướng cực vi kia như nhãn căn.

Hỏi: Nhân nói năm thức không có tướng cực vi, trên dụ nhãn thức không có căn tướng kia, căn cùng cực vi cả hai đã không đồng, làm sao năng lập ở dụ được chuyển?

Đáp: Chuẩn theo luận Sở duyên, trong nhân chỉ nói ở trên nhãn thức không có tướng kia cho nên lược cực vi mà nói, tức không có lỗi, do căn v.v... dụ năm thức cũng không có tướng kia.

Sớ: "Nếu họ chống chế rằng" đến "chuẩn theo lượng cũng vậy".

Biện rằng: Cũng có thể do lượng vặn hỏi vi ẩn tướng, lượng rằng lúc chưa hòa hợp, tướng hợp cũng nên hiển hiện, thể tức cực vi hòa hợp, như khi đã hòa hợp.

Sớ: Tuy có nhiều tướng.

Như trên một sắc có tướng khổ, vô thường, ái chẳng phải ái, nhẫn đến tất cả cực vi tròn v.v... cho nên gọi là nhiều, năm thức chỉ duyên sắc v.v... tự tướng nói một phần.

Luận: Có chấp sắc v.v... là sở duyên này.

Nghĩa của sư Chúng Hiền đủ như trong sớ nói. Lại luận Chánh Lý nói, sắc v.v... lúc cực vi tán chưa hòa hợp, đồng chẳng phải cảnh năm thức của Tỳ-bà-sa và sư Kinh bộ, do trên thức không có tướng cực vi, phần nhiều tụ tập triển chuyển mong nhau, mỗi mỗi cực vi có thô tướng

sinh, phương, nhãn v.v... cảnh thức sở duyên, lại như bảy vi cộng tụ giúp nhau, mỗi mỗi đều có một thô tướng mà sinh lượng v.v... bảy vi, nhưng tướng thô đây duy hiện tại có, tuy là chất ngại xen nhau lưu nhập, như sắc sở tạo của Kinh bộ. Lại cùng nhân năng sinh tế cực vi ắt được đồng xứ, như trong Kinh bộ năng tạo sở tạo xen nhau lưu nhập, nên duyên thô tướng ắt duyên cực vi, do vi đồng xứ. Nhưng tướng hòa hợp tuy nói sinh, chẳng phải khác năng sinh riêng có thể tánh, chỉ là cực vi gốc không có thô tướng, nay hòa tập rồi, thể tuy không đổi, tướng chuyển thành thô, cho nên nói sinh, chẳng phải như bản chấp nhiều vi cộng tụ cộng thành một tướng.

Sớ: Hỏi: Nhãn duyên tâm, lý nào không đồng.

Ý vặn hỏi này cho rằng, như duyên tự tướng, lại biến tướng mới duyên, lại không biến tức năng duyên. Nếu chẳng biến thì liền đồng chánh lượng, chánh lượng duyên cảnh vì tướng chẳng biến, Hữu bộ duyên vi cũng vô tướng, còn lại chuẩn theo đây nên biết.

Luận: Nhưng lúc thức biến, chợt hiện một tướng v.v...

Hỏi: Vì sao sắc của đại không hợp vi thành mà chợt biến?

Đáp: Không thật cực vi năng sinh sắc thô, cho nên chợt biến, không do vi thành, cho nên luận Du-già quyển 3 nói, ở trong sắc tụ từng không có cực vi, nếu lúc từ tự chủng sinh chie có tụ tập sinh, hoặc nhỏ, hoặc vừa, hoặc lớn, lại chẳng phải cực vi tập thành sắc tụ, nên biết sắc thô nhưng lại chợt biến.

Sớ: Hình lượng lớn, thể là thật có.

Hỏi: Bình, chậu v.v... chợt biến cũng chẳng phải vi thành, vì sao gọi là giả.

Đáp: Có hai giải thích:

1. Bình, chậu v.v... tướng tuy thức chợt biến, nhưng chỉ là hình, nên gọi là giả. Nay nói sở duyên thức chợt biến vì ý hiển sắc, nên thật chẳng phải giả. Nói một tướng, lý thật là hình, nay dùng hình sắc nêu ở sắc tướng, ắt không trái.

2. Nói bình v.v... chợt biến chỉ là tướng bốn cảnh, nên bốn cảnh thật nói là bình v.v... nên gọi là giả, thuyết sau trội hơn.

Sớ: Sau như hối v.v...

Thể của hối tuy có si tăng thêm gọi là hối, đối đãi với không si nói si là hối.

Sớ: Chẳng phải như xanh v.v... đối đãi nhưng là thật.

Xanh đối vàng v.v... mà được tên xanh, nhưng không được nói tên xanh là vàng, như ngắn đối đãi dài, không những không được gọi đó là

dài, ắt lại không được nhất định gọi là ngắn, cho nên không đồng các sắc hiển như xanh v.v...

Sớ: Không có riêng duyên giả.

Cần phải có thật duyên, không thể lìa thật mà riêng duyên giả.

Sớ: Chỉ có ý được.

Ý thức có thể được giả riêng kia.

Sớ: Gọi là duyên giả.

Chỉ nói duyên giả, năm thức ắt có năng duyên, nó nương phần vị xanh kia mà giả lập.

Sớ: "Nhưng y tha" đến "phân tích sắc mà nói".

Nhưng vi này là y tha, chỉ y thể của sắc được phân tích mà nói, thật thể của vi không đâu mà không nương tha.

Sớ: Do năm duyên nên Phật nói cực vi.

Xét luận ấy nói, kiến lập cực vi có năm lợi ích thù thắng, nghĩa là do phân tích một hợp tụ sắc an lập phương tiện, ở cảnh sở duyên liền có thể thanh tịnh rộng lớn tu tập, đây là lợi ích thù thắng thứ nhất. Lại có thể dần đoạn Tát-ca-da-kiến là lợi ích thứ hai. Như có thể dần đoạn Tát-ca-da-kiến, như vậy cũng có thể dần đoạn kiến mạn là lợi ích thứ ba. Lại có thể dần chế phục các triền phiền não là lợi ích thứ tư. Lại có thể mau chóng trừ bỏ các tướng là lợi ích thứ năm.

Giải thích:

1. Phá thường mà chứng vô thường.
2. Biết vô thường mà không chấp ngã v.v...
3. Đã vô ngã, ngã và kiêu mạn ắt có thể đoạn diệt.
4. Đoạn kiến mạn rồi ở cảnh giới ấy phục hoặc không khởi.
5. Do phục hoặc cho nên không lấy tướng hay trừ pháp chấp.

Hoặc năm lợi ích thù thắng tức ba giải thoát, hai loại đầu là Không giải thoát môn. Thứ ba, thứ tư là Vô nguyện giải thoát. Thứ năm tức Vô tướng môn, hành tướng dễ chuẩn theo.

Sớ: Lại không có tế phần.

Xét luận kia quyển 3 ghi: Nhưng sắc tụ có phần chẳng phải cực vi, vì sao? Do cực vi tức là phần, đây là tất cả tụ sắc, chẳng phải cực vi lại có cực vi khác, thế nên cực vi chẳng phải có phần.

Sớ: Chẳng phải cảnh của nhục nhãn, thiên nhãn v.v...

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Xét luận kia ghi: Do thiên nhãn kia chỉ lấy trong sắc tụ nêu trên dưới trước sau hai bên, dù sáng dù tối ắt không thể lấy xứ sở cực vi, do thể cực vi lấy tuệ phân tích mà kiến lập. Luận nêu thiên nhãn,

nhục nhãn so sánh nên biết, nên không giải thích riêng, ba nhãn còn lại đều duyên cực vi.

Hỏi: Tuệ nhãn, pháp nhãn lấy gì làm thể năng quán cực vi?

Đáp: Lấy tuệ làm thể, nhưng Bản trí, Hậu trí phân làm hai giải thích:

1. Nói hai nhãn là Hậu đắc trí, tuệ nhãn quán không, Pháp nhãn quán hữu, hoặc hai loại nhãn cùng quán không, hữu.

Hỏi: Nếu vậy, không làm sao duyên vi?

Đáp: Duyên cực vi không, không trí được duyên.

2. Nói tuệ nhãn quán Như tức Căn bản trí, pháp nhãn quán Không tức Hậu đắc trí.

Hỏi: Nếu vậy, tuệ nhãn làm sao duyên vi?

Đáp: Duyên cực vi Như gọi là duyên cực vi.

Biện rằng: Nay y giải thích sau, vì có chỗ nương tựa. Đối Pháp luận rằng: Chân như chỉ là cảnh Thánh tuệ nhãn, nên biết tuệ nhãn mà duyên Chân như.

Hỏi: Thể của Phật nhãn thế nào?

Đáp: Có hai nghĩa:

1. Nhân khác pháp tuệ, quả bao gồm Phật nhãn, nên trong Trí Độ luận nói, cũng như bốn sông cho đến ao lớn tổng gọi là biển.

2. Vô phân biệt tuệ làm thể của nó, cùng tuệ pháp nhãn thể có sai khác, hoặc dùng đại bi gọi là Phật nhãn.

Biện rằng: Giải thích trước là chính, văn Trí Độ luận tự giải thích rõ ràng. Giải thích sau nghĩa đại bi cũng hạn cuộc.

Hỏi: Xét Trí Độ luận, bốn nhãn đến Phật tổng gọi là Phật nhãn, tại sao cực vi chẳng phải cảnh của nhục nhãn, thiên nhãn?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Tuy đến ngôi vị Phật cũng năng duyên vi, nhân vị thì không như vậy, không đồng tuệ pháp, nhân quả đều có thể dùng vi làm cảnh.

2. Nói Phật nhãn năng duyên, chỉ lấy một phần tuệ làm tánh, nhục nhãn thiên nhãn đến Phật tuy gọi Phật nhãn, do thể chẳng phải tuệ cho nên không duyên vi.

Giải thích sau là chính.

Hỏi: Cực vi Đại thừa lẽ nào không có bản chất?

Đáp: Thánh giáo đã nói do giả tưởng tuệ phân tích kiến lập, thì làm gì có bản chất. Có nghĩa cực vi có hai: Một là bản tánh, hai là tướng ảnh tượng. Nói bản tánh là Phật, đại Bồ-tát dùng sức thần thông phá tan đại địa ấy mà làm cực vi nên gọi là bản tánh.

Hỏi: Các luận như Du-già v.v... chỉ nói tuệ phân tích lấy làm cực vi, đây tức là ảnh tượng, sao có bản chất?

Đáp: Đối địch trình bày tông lược nên không nói, vì hơi đồng bên ngoài, nên Thuận Chánh Lý quyển 32 ghi: "Cực vi có hai: Một là thật, hai là giả". Thật nghĩa là tự tướng cực thành sắc v.v... , ở vị hòa và tập hiện lượng sở đắc. Giả do phân tích tỷ lượng sở tri, sợ lẫn lộn hữu tông nên chỉ nói giả. Lý thật Đại thừa cũng có hai nhưng nói tụ sắc không có cực vi, cũng chuẩn theo đây biết, lẽ nào ở tự tông không có tế sắc ngại? Lại trong Đại thừa chẳng phải do tán vị tập thành tụ sắc, nói tụ sắc không chỉ tụ thành nghĩa vi không trái. Lại Bồ-tát v.v... khởi quán nước, biến các loại ở bản chất căn trần đều thành nước, lửa, vàng, bạc, tô v.v... đâu chỉ riêng vi quán, không thể biến bản chất nó thành vi. Nếu thừa nhận thành vi vì sao không thừa nhận có bản chất vi?

Hỏi: Đã có bản bản chất tại sao gọi là giả.

Đáp: Hơn nữa bản chất vi do Thức thứ tám sở biến, chẳng phải ngoài thức, cho nên không đồng tông khác, nên nói giả. Nhưng có chất ngại nên nói là thật, bản chất cực vi là tướng dị thục nên không huân thành chủng, ảnh tượng vi ấy chẳng phải như bản chất có dụng chất ngại nên nói là giả, tác sở duyên duyên sinh nhãn thức nên nói là thật có, tướng ảnh tượng vi huân thành chủng tử, nếu không như vậy thức sau không có ảnh tượng.

Hỏi: Các xứ như sắc v.v... thuộc về xứ nào?

Đáp: Chất và ảnh hai vi chỉ có pháp xứ thâu nhiếp, vì chỉ có cảnh của ý, lại cùng ảnh tượng đồng một chủng, chất mười xứ thâu nhiếp, ảnh ắt cũng như vậy.

Biện rằng: Xem lý sở đoạn thì phong phú, giáo thật diệu chứng, nay căn cứ tông Đại thừa trình bày thô sơ phải trái, bản tánh vi lược có năm lỗi:

1. Nghĩa không có bằng chứng, Đại pháp vương ngự thế, kẻ mê tự quyết trong lời vàng, Thượng sĩ phóng quang, người lầm đoạn nghi trong tiếng ngọc, tiếng ngọc truyền xa, có thể nhận lãnh mà phụng trì tự, vượt thoát tình thường vốn vốn dần dà không thể căn cứ được, nay nghĩa sở lập Thánh giáo lại không, muốn khiến học giả nương đâu mà tin nhập.

2. Lỗi trái Thánh giáo, xét trong Du-già quyển 54 ghi:

Hỏi: Vì sao cực vi không sinh không diệt?

Đáp: Do các tụ sắc lúc đầu tiên sinh toàn phần mà sinh, lúc rốt sau diệt không đến khoảng giữa vị cực vi đều diệt, cũng giọt nước. Lại do

năm pháp tương ưng mà biết, gọi là không như lý tư nghì cực vi, nghĩa là trong sắc tụ có tự tánh cực vi mà trụ, hoặc có sinh diệt, hoặc nói cực vi cùng cực vi hoặc hợp hoặc tán, hoặc nói các sắc cực vi tích tập, hoặc nói cực vi hay sinh biệt dị rất nhiều sắc tụ. Lại luận Hiển Dương quyển 18 ghi: "Nghĩa là các cực vi chỉ nhờ giả tưởng lập, tự thể thật không có", nếu nói Hữu vi, đâu không trái các Thánh giáo trên? Nếu nói giáo trước căn cứ không tán vi thành tụ sắc v.v... gọi là không có cực vi, không chướng ngại chia chẻ thô thành vi, đây chẳng phải khéo chống chế. Chia chẻ vi thô tức diệt sau cùng, vì sao chẳng phải có diệt? Đây đã chia chẻ vi sau hợp thành thô, vì sao không gọi là sinh? Lẽ nào là chỗ phân tích vi hằng không hợp ư? Lại trong sắc tụ tức có hai phần, đại Thánh phân tích tự tánh cực vi lại chia chẻ vi, lại mong nhau cũng có hợp tán, sắc lượng cũng có vi lượng tích tập cũng gọi là biệt sinh các tụ. Tại sao ý Du-già tổng phán phân gọi là vô sinh vô diệt không như lý mà suy nghĩ? Lại chỗ chia chẻ là thể đã chẳng phải không, các luận tại sao phán phân thể không thật chỉ giả tưởng lập? Nếu nói các luận đối địch trình bày tông sợ lẫn lộn ý ngoài nên lược không nói, cũng chẳng phải thành chống chế, tự thừa nhận thật vi vốn không nói, làm sao gọi là trình bày tông? Đã thừa nhận giả thật hai loại câu cực vi, đâu riêng nói giả tức trình bày tông? Lại vi tự thừa nhận sợ lẫn lộn không nói, ba khoa họ có rõ ràng nên sợ lẫn lộn Đại thừa nên không nói. Nếu nói ba khoa đồng cho nên nói, cũng không thể được. Nếu căn cứ gọi là đồng thì cực vi cũng vậy. Nếu đứng về thể mà nói, Tiểu thừa Đại thừa thể tánh ba khoa giả thật các loại cũng khác, làm sao gọi là đồng? Lại bản chất vi do Thức thứ tám sở biến, chẳng phải ngoài thức, nên gọi là giả, tức căn trần v.v... Thức thứ tám thân duyên đều gọi là giả, nhãn v.v... năm thức thân sở duyên loại cũng như vậy, vì chẳng phải ngoài thức. Những điều này không, vì sao họ nói như vậy? Nên biết vốn không có cho nên giáo không nói.

Hỏi: Lẽ nào Phật Bồ-tát không thể chia chẻ thô làm cực vi? Đáp:

Cũng không thể phân tích đến cực vi, cho nên Du-già ghi:

Không đến cực vi, chặng giữa đều diệt, cũng như giọt nước.

Giải thích nhẫn đến thần thông phân tán tụ sắc mà diệt thô kia, thô cũng không đến cực vi, chặng giữa diệt tận, cũng như gọt nước, từ lớn đến nhỏ cũng không được đến vị cực vi, vì sao như vậy? Do trong tụ sắc không có tánh cực vi, như Phật Bồ-tát phân tích thô thành vi, giáo cũng nên nói, giáo đã không nói là không có ý sao?

3. Giả sử có lỗi không huân, dù Phật Bồ-tát phân tích thô thành

vi, vi đây sáu thức của Bồ-tát duyên chăng? Nếu không duyên, đã từ Thức thứ sáu quán tâm sở phân tích, đâu được không duyên? Vị thức tự tại các căn hỗ dụng, chỗ chia chẻ vi đã thừa nhận thật sắc, tại sao không duyên? Nếu nói duyên tại sao không huân chủng? Vì quả chưa mãn, nên không nên nói bản chất cực vi tướng dị thục nên không huân thành chủng. Nếu nói dị thục không huân thành chủng, không chướng sáu thức khác huân thành chủng, tại sao không nói? Nếu nói dễ biết cho nên không nói, dị thục không huân thì ai mà không tỏ ngộ, tại sao cần phải nói?

4. Lỗi không có nhân chủng đồng: Nếu chất ảnh vi đều huân thành chủng, dễ dàng được ảnh chất hai vi chủng đồng, tự đoạn ảnh huân mà chất không huân, nhân vì sao không được hai vi đồng chủng? Nếu nói chất vi tuy không mới huân mà có bản hữu cùng ảnh đồng chủng, lý cũng không được. Nhân Phật Bồ-tát chia chẻ mà mới lập làm sao gọi là bản hữu? Nên không được nói bản ảnh đồng chủng.

5. Lỗi giả thật chủng đồng: Giả sử vi của chất ảnh cùng đồng một loại, ảnh giả chất thật, thật giả không đồng tại sao chủng đồng? Hoặc thừa nhận như vậy thì tâm sắc v.v... khác, lẽ ra đều đồng chủng. Thừa nhận tức trái giáo, không thừa nhận thì trái lý.

Do năm lỗi đây lập bản chất vi rất khó nương, nếu ảnh tượng vi thừa nhận huân chủng là lỗi cũng nhiều loại, rộng như trong Nghĩa Đăng giải thích rõ.

Sớ: Nghĩa đây tuy thông v.v...

Y chỉ danh thân thông các căn, nhưng thân căn thù thắng được gọi chung là thân, các lập khác là biệt xưng.

Sớ: "Trước đã phá biểu" đến "nay lại phá vô biểu".

Trước phá đối sắc, biểu cũng ở trong mà đã phá xong, nay vì người ngoài ở trong tổng sắc riêng chấp biểu thật, nên lại phá. Phá biểu khiến không còn, gọi là phá vô biểu, không phải phá sắc vô biểu ấy gọi là phá vô biểu.

Luận: Nếu nói là hình v.v...

Họ lấy một phần hình sắc của tông thân mà có thể nêu bày tâm tự phát nghiệp, nên nói hình sắc gọi là thân biểu. nghiệp do thân tạo gọi là thân nghiệp. Cho nên trong luận Thành Nghiệp ghi: Trong đây có thuyết lại thân biểu nghiệp hình sắc làm tánh, nghĩa là thân hình sắc, nếu thân hình sắc, vì sao trước nói chỗ thân tạo nghiệp nên gọi là thân nghiệp? Nghĩa là tổng danh thân một phần nhiếp nên gọi là thân hình sắc. Nương thân đại chủng mà phát sinh nên gọi là thân sở tạo. Do tổng

thân nói đối với biệt cũng chuyển, năng biểu đây chỉ bày tâm tự phát nghiệp khiến họ biết, vì hiển bày nghĩa đây nên nói bài tụng rằng: "Do ngoài phát thân ngữ, biểu sở tư trong tâm, thí như cá vực sâu, sóng nổi tự ngoi lên". Hình sắc là thế nào? Nghĩa là tánh dài v.v... Cái gì gọi là dài? Nghĩa là đối với nó sinh dài, gọi là tưởng, đây thuộc về sắc xứ.

Luận: Nếu nói là động.

Động nghĩa là hành động, hành động tức là thuộc về sắc xứ, cho nên luận Thành Nghiệp ghi: Có thuyết nói thân biểu lấy hành động làm tánh. Sao gọi là hành động? Nghĩa là chuyển đến phương khác. Nó thuộc về xứ nào? Nghĩa là thuộc về sắc xứ. Do đâu biết nó chuyển đến phương khác? Nghĩa là tướng sai biệt không thể biết.

Giải thích rằng: Đã là tướng sai biệt nên biết có động đến phương khác. Câu-xá cũng nói, động gọi là thân biểu, vì khi thân động là do nghiệp động.

Sớ: Tuy tự tông kia không có lỗi bất định.

Biện rằng: Hoặc có thể trong nhân do nói để lựa chọn, lẽ ra nên nói trừ sắc tâm v.v... là Hữu vi, hoặc sắc tâm v.v... nhiếp nhập trong tông, đều không có bất định. Tuy vốn phá động, vì ngăn bất động bao gồm phá sắc tâm khiến sát-na diệt, trái họ thuận mình, cũng không có lỗi.

Sớ: Nghĩa là diệt rồi lại sinh đến không có bất định.

Biện rằng: Trụ không sinh lại, nhân của đãi nhân trụ được chuyển, lý nào mà không được thành bất định? Nếu trụ phi diệt phi bất định, luận về bất định, chỉ đối với tông pháp, diệt đã hữu pháp, trụ tuy phi diệt làm sao bỏ bất định? Do trụ tướng đây nhiếp nhập trong tông, hoặc trong nhân lựa chọn tức không có lỗi.

Luận: Phi hiển phi hình v.v...

Xét trong luận Thành Nghiệp ghi: "Nhật Xuất luận nói như vầy: Các hành thật không đến nghĩa phương khác, pháp tánh Hữu vi niệm niệm sinh diệt, nhưng riêng tâm có pháp sai biệt làm nhân, nương tay chân v.v... khởi", pháp đây có thể làm tay chân, vật lạ mới sinh nhân, đây gọi là hành động, cũng gọi là thân biểu, nghĩa là thuộc về sắc xứ, tuy cũng gọi là động, nhưng niệm niệm diệt không đến phương khác, khác với chấp trước.

Sớ: Năm xứ Thiên trúc có năm luận sư.

Xét Tây Vực truyện gồm: Mã Minh ở Đông thiên, Đề-bà ở Nam thiên, Thất-lợi-la-đa ở Tây thiên, Câu-ma-la-da ở Bắc thiên, Long Thọ ở Trung Thiên, chép đủ như trong truyện ấy.

Sớ: Lẽ nào lấy hiển v.v... làm biểu mà biết.

Thấy sắc thân tướng hảo của Phật mà sinh cung kính, sắc được thấy đây chỉ gọi là hiển sắc, vì vô biểu hiển bày. Xúc v.v... chuẩn theo nên biết.

Sớ: Hoặc lại nói v.v...

Hỏi: Giải thích trước nào có khác?

Đáp: Giải thích trước chỉ nói năng biểu, mà không phân biệt, giải thích sau phân biệt, do tiếng nói ấy có giả danh v.v... mà có biểu.

Sớ: Thức biến lựa chọn Kinh bộ v.v...

Hỏi: Thân ngữ hai biểu Kinh bộ, Hữu tông đều chẳng phải thức biến, vì sao thân biểu mà nói thức biến tức lựa chọn Hữu tông, nói biểu thức biến, tức lựa chọn Kinh bộ?

Đáp: Kinh bộ chấp có động làm thân biểu, chân tợ tương đối, tợ lựa chọn chân động, Hữu tông thì không như vậy, nên thức biến lựa chọn. Hữu tông thô thật nên thanh là thật, cho nên tợ lựa chọn, Kinh bộ thì không như vậy, nhưng thức biến lựa chọn, mỗi bên căn cứ một nghĩa, cũng không trái nhau.

Sớ: Nghĩa là thân dũng mãnh, thân tinh tấn.

Dũng là cố gắng, tinh tấn là chuyên cần, do cả hai ở bên trong mà chẳng hiển bày cái khác nên gọi là vô biểu.

Sớ: Tâm dũng v.v...

Tâm dũng này thuộc về tâm sở, nay nói về sắc nên không lấy, văn đồng tiêu biểu.

Luận: Nhưng nương tư nguyện v.v...

Có nghĩa định đạo cũng nương thệ nguyện mà khởi tư lập, nghĩa là khi sắp khởi định đạo giới ấy, nguyện rằng: Lúc ta thừa nhận nhập định, do đây lại hay dẫn khởi thắng tư, ngăn ngừa sắc xấu, giả gọi là vô biểu. Lại đứng về tự tánh nói chỉ nương tư, nếu thông quyến thuộc, tức y câu hành tâm tâm sở lập, nghĩa cũng không trái, hay ngăn ác hoặc vì thông với tương ưng. Như thể hai định quyến thuộc mà nói y hai mươi hai tâm chủng lập, nếu tự tánh chỉ nương năng nhàm tuệ chủng lập, nay đây ắt như vậy. Thánh nói nương tư nghiệp tự tánh.

Biện rằng: Nhập định khởi nguyện chỉ vì khi xuất định có phần hạn, không duyên ở giới mà mới phát nguyện, cùng biệt giải thoát nguyện có sai khác, không thể làm ví dụ. Lại quyến thuộc ấy thông nương cái khác mà lập, có lý không có giáo, lý cũng khó căn cứ, vì sao? Nếu dùng hai định nương nhiều loại lập nêu bày giới đồng. Biệt giải thoát giới, lý cũng như vậy, tư chủng đồng thời có nhiều loại, lại phải biểu giới cũng nương

pháp hiện tư tương ưng lập. Nếu nói đây v.v... không ngăn ác cho nên không nương lập, định đạo tương ưng làm sao liền có? Nếu nói chẳng phải thắng, lại chẳng phải nghiệp tánh nên không lập, định đạo lẽ ra như vậy. Nếu biểu giới và biệt giải thoát cũng nương câu thời chủng và tương ưng, lý tức có nhưng giáo thì chưa thấy.

Luận: Thiện ác tư chủng tăng trưởng vị lập.

Tán vô biểu này, đâu cần nương chủng, nếu không nương chủng, thọ giới về sau tán loạn các tâm, nên không gọi là cụ luật nghi, ngăn lỗi đây nên nương chủng lập. Luận Thành Nghiệp nói, nếu ba loại nghiệp chỉ tư làm thể, đối với tâm tán loạn và vô tâm vị lúc bấy giờ không có tư, tại sao có tên cụ luật nghi, bất luật nghi? Do tư sai biệt sở thành huân chủng không tổn hoại gọi là cụ luật nghi, bất luật nghi, nên không có lỗi.

Sớ: Tư thù thắng.

Trong phần lựa chọn ở sau, tư không phát vô biểu, xét luận Thành Nghiệp ghi: Tư sai biệt chọn lấy tư thù thắng năng phát luật nghi, bất luật nghi biểu, do tư đây nên huân thành hai loại chủng tử thù thắng, nương hai chủng tử chưa tổn hoại vị, giả lập thiện ác luật nghi vô biểu.

Sớ: Do hiện tại vô y các việc phước nghiệp.

Nghĩa vô y lược có hai giải thích:

1. Y là những vật tài vật, tài vật đây v.v... là nghiệp sở thác gọi đó là y, nay tuy không có các vật sở y không khởi thân nghiệp, chỉ nghe các thiện mà khởi thâm tâm tùy hỷ cung kính, mà ở trong thân phước cũng tiếp tục khởi, phước sở khởi đây gọi là phước vô y.

2. Chẳng phải chỉ khởi tâm mà cũng có thân cung kính, phước được tăng thêm, nhưng không bố thí vật gọi là vô y.

Sớ: Thí chủ ở xa.

Đây có y phước, tức vật sở thí gọi đó là y, nên trong Câu-xá luận quyển 13 ghi: Như trong Khế kinh chép: Thiện nam tử v.v... thành thục có nương bảy phước nghiệp: hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngủ, hoặc thức, hằng thường, tương tục phước nghiệp dần tăng.

Giải thích bảy việc phước:

1. Bố thí chỗ ngủ cho người ở xa đến.
2. Bố thí người đi đường.
3. Bố thí người bệnh.
4. Bố thí người nuôi bệnh.
5. Bố thí vườn rừng.
6. Bố thí thức ăn hàng ngày.

7. Tùy thời bố thí.

Như vậy bảy loại việc có chỗ nương việc nên gọi là hữu y. Vì thiện nên gọi là phước, vì làm cho nên gọi là nghiệp, tư thác gọi là sự.

Sớ: Nếu tâm huân chủng v.v...

Nghĩa của sư Nan-đà chỉ là mới huân, nhưng đối với tông ấy phân làm hai giải thích:

1. Chủng tử niệm niệm thể tăng, tức như sớ giải thích.

Hỏi: Nếu vậy thời sau đã không có hiện hành huân chủng tử làm sao tăng?

Đáp: Do phát giới tư, sức năng huân thù thắng, khiến sở huân chủng tử về sau thể tăng, như nước đất v.v... có công năng thù thắng, khiến các giống lúa sinh mầm cộng nhiều các loại quả. Giới v.v... chủng thể lại tăng thêm, có nương không nương các việc phước nghiệp thì thể cũng tăng.

2. Tăng là giới hay ngăn ác trên chủng tử, bảy chi công năng tăng thêm gấp bội, vì sao? Cần phải hiện hành huân tập thì chủng tử mới sinh. Lại nếu thể tăng, lúc sau hiện hành sinh từ chủng tử nào khởi? Không thể có sinh có không sinh, thế lực của chủng v.v... sau cũng không được nhiều chủng cộng sinh, vì trái thế gian, nên chỉ có dụng tăng.

Biện rằng: Tuy có hai giải thích nhưng dụng tăng là chính.

Sớ: Nếu mới cũ hợp dụng.

Đây là giải thích của Hộ Pháp. Trong truyện có năm giải thích:

1. Thể tăng, thể có hai loại là mới và cũ, chỉ có mới huân mà chẳng phải vốn có, thế lực vốn có không bằng mới huân, lại chẳng phải lúc này tư nguyện mới khởi.

2. Do phát giới tư hợp với mới, thể tăng, dụng vốn có tăng, y thể tăng lập.

3. Nói mới cũ ắt thể tăng trưởng, nương hai tăng mà lập.

4. Dụng của tân chủng tử tăng, thể ấy không tăng, thể dụng của vốn có đều không tăng. Lý đồng sư trước, tìm thì có thể biết.

5. Dụng của bản cũng tăng nhưng thể không tăng, nhưng chỉ có bản hữu chung thành một giải thích, như trong sớ đã nói.

Ba sư hợp luận bao gồm có tám giải thích, đều là dụng tăng thắng, như sớ giải thích.

Hỏi: Sắc vô biểu nương chủng biểu lập, biểu chủng đã nhiều, nương đâu mà lập?

Đáp: Chánh giải thích như trong Nghĩa Đăng. Trong truyện có năm giải thích:

1. Tâm niệm sau cùng của Yết-ma thứ ba, nếu trụ cầu giới, thiện tâm Đẳng lưu tức nương chủng này mà giả kiến lập, nếu vào lúc này đi đứng không đồng phân tâm, hoặc ở vô tâm, tức nương cận nhân vị trước đồng khởi tâm rốt sau.

2. Ban đầu khất giới nhẫn đến yết-ma thứ ba niệm sau sở huân thành chủng, trông mong tâm đủ đều có thể tăng trưởng, nên có thể nói tổng nương nhiều loại giả lập. Nếu vậy tại sao niệm đầu chỉ lập một pháp đủ bảy chi vô biểu sắc?

Đáp: Chủng tuy có nhiều, mỗi mỗi có công năng, chỉ phòng một mà đủ cả thân ngữ bảy chi, nên nói niệm đầu chỉ có bảy chi, thật chẳng phải chỉ có bảy, lại chủng tử hòa hợp, không thể phân biệt, thế lực đã đồng, tổng lập không có lỗi.

3. Chỉ có nương cận nhân v.v... khởi rốt sau tâm niệm tư chủng tử lập, chẳng phải nương nhiều chủng, không có lỗi trước, một niệm tâm đây cận có thể phát giới, cho nên chỉ nương đây.

4. Chỉ có nương cận nhân v.v... khởi tâm niệm đầu, chủng phát trong thân ngữ, vì đây là tối thắng, thân ngữ nhân thiện ác đây, sau đều tùy chuyển, chẳng phải nhân chuyển, như sát-na tự tánh bất định, do tối sơ đây hay phát vô biểu.

5. Cận nhân v.v... trong lúc khởi không luận trước sau, chỉ có tối thắng là việc rốt ráo, tư chủng tăng trưởng năng phát vô biểu. Có nghĩa xác quyết rằng: Có thể nương thắng tư tương tục thứ hai, sức công năng đồng có nương, không nương sở dĩ không, chẳng phải như hữu tông luận về biểu chỉ có một niệm, thân ngữ Đại thừa đã tương tục, năng phát tư ấy đều gọi là biểu, nên vô biểu sắc nương nhiều niệm tư, nhưng biểu đều năng phát vô biểu, luật nghi đã vậy, bất luật nghi v.v... chuẩn theo đây nên biết.

Biện rằng: Xem ý xác quyết này, lý ấy chẳng phải không có, nhưng hơi tạp loạn, chuyển cùng tùy chuyển có gì sai khác? Cận nhân, sát-na hai pháp khởi nào có sai khác? Thừa nhận ở niệm đầu có nhiều, bảy chi lại không có văn, cho nên giải thích thứ tư lý rất thù thắng, còn lại đều có lỗi, tư chuẩn theo đây có thể tỏ ngộ. Lại mới huân v.v... trước có tám giải thích, do nay nghĩa vô biểu sở y chủng đã có năm giải thích, xem tám giải thích kia, mỗi mỗi có năm thành bốn mươi giải thích, đúng hay không đúng so sánh thì có thể biết.

Sớ: Lúc ban đầu huân chủng, cũ cũng sinh chủng.

Hiện hành huân nó, lúc mới huân chủng, chủng cũ của bản hữu lại cũng chuyển sinh một chủng tử, tức là bốn pháp đồng thời khởi. Đây

chẳng phải chánh nghĩa.

Sớ: Lại lựa chọn xa gần v.v...

Suy nghĩ kỹ quyết định xa gần như thứ lớp đều là khởi thân ngữ gia hành. Trong gia hành phân xa gần.

Sớ: Và cùng sát-na.

Nó động phát tư, phát thân ngữ gọi là cận nhân, vì nhân dẫn khởi thân và ngữ, nên gọi là đẳng khởi, năng khởi gọi là khởi. Thứ hai niệm tâm tâm sở v.v... chỉ gọi là sát-na, tự tướng sát-na sát-na dẫn khởi. Cận nhân khởi, gọi đó là chuyển, nương hiện hành và chủng tử ấy lập biểu vô biểu. Sát-na v.v... khởi gọi là tùy chuyển, vì tùy theo trước chuyển, chẳng nương hiện hành chủng tử lập vô biểu v.v..., do chẳng phải quyết định là tánh thiện ác khởi thân ngữ, do có tùy nghiệp khởi rõ ràng nên lập có.

Sớ: Họ quyết định đắc sắc gọi là nhân v.v...

Các luật nghi giới thảy đều có thể dừng sắc xấu của thân ngữ, Hiển Dương căn cứ đây nên có thể dừng giới, từ chỗ dừng pháp để lập tên của sắc, nếu phát thân ngữ các giới bất định, nó không nương thân ngữ sở phát mà lập tên sắc.

Sớ: Định đạo hợp thuyết.

Luận Hiển Dương định đạo biệt thoát ba giới hợp thuyết, y không hiện hành kiến lập tánh sắc, cả ba đều ngăn ác thân ngữ.

Sớ: Đây hiển bày sai biệt.

Duy Thức luận đây hiển bày tùy tâm và không tùy tâm hai giới sai biệt, cho nên biệt thoát nói phát thân ngữ vậy, định đạo chưa hẳn đều có thể phát.

Hỏi: Luật nghi ngăn ác, ác thông ba đời, phòng đời nào?

Đáp: Trong truyện có ba giải thích:

1. Ngăn chung ba đời, quá khứ vị lai tuy không y hiện mà lập, nên phòng hiện tại tức là phòng ba đời.

2. Chỉ phòng hiện tại, quá khứ vị lai không.

3. Chỉ phòng vị lai, quá khứ hiện tại đã khởi, vì phòng không có công dụng.

Biện rằng: Giải thích đầu là thù thắng, như Vô lậu kiến nương Du-già v.v... cũng được nói đoạn hoặc ba đời, đây cũng nên như vậy, ở sau sẽ rõ.

Hỏi: Tư nguyện phát giới ngăn ác sắc, ác sắc cả bảy đều là sở duyên, nên huân bảy loại nương lập vô biểu?

Đáp: Như hai định thể y năng nhàm chán lập, đây cũng nên như

vậy, nương có thể ngăn chủng.

Sớ: Chẳng phải là biểu.

Không phát thân ngữ chỉ gọi là vô biểu, nếu vậy vì sao gọi là chánh ngữ v.v...

Đáp: Dừng thân ngữ ác gọi là chánh ngữ v.v...

Sớ: Như phát thân ngữ tư v.v...

Không chỉ bày tha, vì chẳng phải chủng tử.

Hỏi: Đạo tương ưng tư chẳng phải biểu vô biểu, y pháp nào gọi là đạo luật nghi?

Đáp: Lại đứng về biệt thoát nương chủng tử lập, đạo tương ưng tư chẳng phải chủng tử, cho nên nói biểu vô biểu chẳng phải tận lý.

Sớ: Lại mong không đồng v.v...

Mong phát thân ngữ mà gọi là biểu, căn cứ phòng sắc ác gọi là vô biểu.

Sớ: Nếu không như vậy v.v...

Đây hiển lý. Địa thứ tám trở đi, Như Lai đã hằng ở định, thứ sáu thuần Vô lậu, lẽ nào có thể không có thân ngữ biểu ư? Sớ tuy có ba giải thích, giải thích sau là chính.

Sớ: Không phát thiện thân ngữ v.v...

Căn cứ Địa thứ tám trở về trước và trong Địa thứ tám lúc không phát mà nói.

Sớ: Nhưng không có vô biểu, chương có hai thuyết, nay sớ đồng chương, sư thứ hai nói.

Hỏi: Nghĩa biểu là thế nào?

Đáp: Tư sau liễu tư trước gọi là ý biểu nghiệp.

Hỏi: Tư trước đã diệt chỗ nào biểu?

Đáp: Như yết-ma thứ ba lúc vô tâm mới gọi là biểu, biểu trước phương tiện tư nên được gọi là biểu, đây cũng vậy, lại tư kiến phần và tự chứng phần lại xen nhau biểu, gọi là biểu.

Sớ: Ba nghiệp vô biểu đều giả v.v...

Xét luận Phật Địa ghi: Tuy có hủy phạm chế lập học xứ, nhưng mượn an lập mà chẳng phải thật có, các vô biểu nghiệp chỉ lấy bất tác làm thành tánh ấy nên cũng không thật có.

Luận: Năng động thân tư v.v...

Xét luận Thành Nghiệp giải thích ba tên. Thân nghĩa là các căn đại tạo hòa hợp sai biệt làm thể, tích tập sở thành là nghĩa thân. Nghiệp tức là tư sai biệt làm tánh có chỗ tạo tác là thành nghĩa nghiệp, tư năng động thân gọi là thân nghiệp, khiến thân tương tục dị mới sinh nhân, vì

phong giới khởi đầy đủ nên nói là nghiệp động thân, trừ động thân nói chỉ gọi là thân nghiệp, như thêm sức của dầu, chỉ nói là lực dầu, như gió động bụi, chỉ gọi là gió của bụi.

Ngữ nghĩa là nói năng, âm thanh làm tánh, đây có thể biểu rõ nghĩa muốn nói nên gọi là ngữ. Hoặc ngữ là sở y của chữ, do mang theo chữ có thể nêu bày nghĩa nên gọi là ngữ, năng phát ngữ tư thuyết gọi là nghiệp, đầy đủ nên nói nghiệp phát ngữ, trừ phát ngôn ngữ chỉ gọi là ngữ nghiệp, dụ đồng thân nghiệp.

Ý là ý thức vì năng tư lượng, thú hướng các loài và cảnh giới nên gọi là ý, tác động ý tư nói gọi là ý nghiệp, đầy đủ nên nói nghiệp tác ý. Hoặc ý tương ưng nghiệp, trừ chữ "tác" và "tương ưng" nói, chỉ nói là ý nghiệp. Dụ như trước có nói lược nêu đại ý, đủ như luận đã biện.

Luận: "Thân tư năng động" đến "gọi là ý nghiệp".

Hỏi: Tư có bốn loại, ba loại như luận đã giải thích, thứ tư là sát-na đây vì sao không nói?

Đáp: Có nghĩa sát-na v.v... khởi ba tánh bất định, tội phước hai hành, kia chẳng phải định nương. Đây nói nghiệp, không luận loại thứ tư, nếu sau rốt tư tánh đồng tức thuộc về động phát, thứ ba thông với chuyển và tùy chuyển, cho nên không nói riêng, hai pháp đầu mong thân ngữ nghiệp nhân xa v.v... khởi, động phát nhân gần do đây nên nói nhân xa v.v... khởi ắt hai tư đầu, có hai tư đầu chẳng phải nhân xa khởi, như tà kiến đều không phát thân ngữ, nhân gần v.v... khởi ắt động phát tư, có động phát tư, chẳng phải nhân gần khởi như sát-na tư.

Sớ: Hỏi: Nếu phát thân ngữ tư v.v...

Có nghĩa nay không nương đây, như chủng sở huân tuy chẳng phải là sắc, mà có thể ngăn sắc, giả gọi là sắc làm sao ngăn? Hiện tư do chẳng phải sắc cho nên tuy không thể biểu, mà sắc năng phát giả gọi là biểu sắc. Nhưng ý sớ chủ gần hiểu biết sai, chương biểu vô biểu thừa nhận gọi là biểu.

Biện rằng: Sớ không lầm, không đồng sắc thanh có chỉ bày nghĩa khác là thật biểu sắc, không đồng chủng tử có nghĩa tương tục là giả vô biểu, nói chẳng phải biểu v.v... không ngăn dùng làm giả biểu sắc, nếu không như vậy, sau đã biết chẳng phải trong chương thừa nhận biểu, làm sao với sớ mà không đổi ư? Lẽ nào muốn làm mê người học chăng? Sớ đã không đổi, nên biết không lầm, bản ý như trước.

Sớ: Tạo tác ở tâm v.v...

Hỏi: Nếu tâm tạo tác sao chẳng phải ý nghiệp?

Đáp: Họ chỉ có ý động, nay đây lại có thể động thân ngữ cho nên

vốn chẳng phải ý nghiệp. Có thuyết nói, tư này năng khởi thân ngữ, sở khởi thân ngữ tất cả tạo tác, có nghĩa do phát động tư năng khởi thân ngữ, tức gọi là tạo tác, thân ngữ là tư sở tạo tác.

Biện rằng: Sớ giải thích là đúng, cho nên ở sau luận nói tư là khiến tâm tạo tác làm tánh, đối với thiện phẩm sai tâm thành nghiệp, sai khiến tự tâm, khiến tạo việc thiện. Luận đã có văn nói rõ, đây tại sao không thừa nhận tạo tác ở tâm gọi là có sở tạo? Không thể nói luận chỉ nói ý nghiệp, văn không có lựa chọn, vì cùng nói tư. Lại nói, khiến tâm tạo tác thiện v.v... lẽ nào ngữ cả hai không thiện? Khiến tâm đã là tâm tạo tác, các giải thích khác sai lầm, suy nghĩ có thể biết.

Sớ: Đạo có hai nghĩa.

Có nghĩa chỉ nói, nói dạo qua là nghĩa sở duyên, đây lại chẳng phải lý, nếu đối hiện tại nói quá khứ gọi là trước, quá khứ không có tự thể sao gọi là năng dạo qua? Nếu đối trị lại hiện tại gọi là trước, vị lai chưa sinh vì sao gọi là sở dạo qua? Nếu nghĩa dẫn phát gọi là dạo qua, lý cũng không đúng. Dẫn phát ấy là thông với nghĩa sinh, đã hai tư trước là năng dẫn phát, đạo nghĩa tức là trước xét quyết tư, tại sao sở dẫn thứ ba gọi là đạo?

Biện rằng: Sớ lập không trái, hiện tại gọi là trước, vị lai gọi là dạo qua, đâu không thừa nhận ý duyên vị lai? Nếu thừa nhận duyên sở duyên gọi là dạo qua rốt cuộc có lỗi gì? Nếu nói dẫn phát là nghĩa thông sinh thì xét quyết vặn hỏi cũng sai lầm, giả sử dẫn phát là nghĩa thông sinh, vì sao chỉ là thẩm quyết, lẽ nào phát động tư chẳng phải thông sinh ư? Nếu nói sai là trái với các Thánh giáo, vì ba nghiệp đều chiêu cảm lấy dị thục. Lại trong sớ nói, sở dẫn phát nghĩa gọi là sở dạo qua, mà không nói là thuộc năng dẫn, vả lại cũng như đồng hoang vốn không có đường tắt, sau nhân người đi đường ấy mới có, đường này lẽ nào chẳng phải người sở dẫn sao? Phát động sở dẫn mà được tên đường, đối với lý lỗi gì mà bị bài xích?

Sớ: Thân ngữ ba nghĩa nghiệp đạo.

Nghĩa nghiệp đạo, nghĩa tức là cảnh.

Sớ: Vì không tương tợ.

Không tương tợ nên gọi là không tương ưng; không tợ sắc, tâm, chất ngại, duyên lự.

Luận: "Chẳng phải như sắc tâm" đến "có tự thể khả đắc".

Chẳng phải sớ giải thích rằng, nhân chẳng phải như sắc v.v... hiện lượng sở đắc, chẳng phải như tâm v.v... tỷ lượng sở đắc, như thế mà lập nhân thì nhân này có lỗi bất định. Họ nói Vô vi chẳng phải như sắc tâm

hai lượng sở đắc, thể tướng có thể được, nên nói thừa nhận là Hữu vi, chẳng phải như sắc tâm, chất ngại, duyên lự hai lượng sở đắc, thể tướng có thể được, tức không có bất định.

Biện rằng: Sớ đã lựa chọn nói, từ pháp Vô vi nêu sắc, Vô vi tông khác chẳng phải ở đây thừa nhận ngăn lỗi đã hết, sao có bất định? Chuẩn có nghĩa nhân bèn có lỗi tương vi quyết định. Nhân tương vi nói, thừa nhận chẳng phải lự, ngại và giả Vô vi, trong vi Vô vi tùy theo một nhiếp, như thật Vô vi tông nghĩa nên biết. Lại lẽ nào tông ấy, không thừa nhận Thánh chứng đắc Vô vi, nếu thừa nhận đắc, Vô vi vì sao chẳng phải hiện lượng sở đắc, trừ trí hiện lượng lại có pháp nào năng chứng Vô vi? Nếu nói không đồng sắc tâm mà được gọi chẳng phải đắc cũng là không thể, dụ lấy ít phần, có hiện lượng đắc tức làm dụ.

Sớ: Lại trạch diệt v.v... chẳng phải chỗ đây thừa nhận cũng không có bất định.

Có nghĩa đây cũng không đúng, cộng tỷ lượng đối với tha có lỗi bất định, gọi là bất định, cho nên chỉ như văn tức không có bất định, Vô vi cũng như sắc, tâm, tâm sở, thể tướng là khả đắc, chẳng phải không có tự thể.

Biện rằng: Nếu cộng tỷ lượng phạm tha bất định, tức không có lỗi, vì sao có chánh lượng? Lại như chín câu, nhân thứ hai cũng phạm quyết định tương vi của tha tông, do luận tự thừa nhận có tánh thanh, Vực Long làm sao quyết đoán làm chánh nhân? Và đem nhân thanh thù thắng đây tương đối lại là bất định? Do đây nên biết, cộng tỷ lượng trái cộng và tự mới gọi là lỗi, trái tha liền sai, nếu không như vậy bèn trái các giáo lý. Lại nói Vô vi như sắc tâm v.v... chẳng phải không có tự thể làm tự tha ư? Nếu tha Vô vi thừa nhận ngoài tâm, ngoài tâm không có tại sao nói chẳng phải không có? Nếu tự tông, tại sao không có tha bất định? Nếu nói chẳng phải thừa nhận không có bất định, so với sớ có gì khác? Tuy có nhiều thuyết khác nhau nhưng vốn khó làm căn cứ.

Luận: Chẳng phải sắc tâm khác tác dụng khả đắc.

Như trong sớ lựa chọn đủ, các pháp như Chân như v.v... có lỗi bất định, có nghĩa nói nhân lẽ ra nói thừa nhận là Hữu vi hoặc không thuộc về Vô vi, chẳng phải sắc tâm khác, tâm và các tâm sở tác dụng khả đắc, tức lựa chọn bất định.

Biện rằng: Tự tông Vô vi chẳng phải định dị tông, tha tông Vô vi chẳng phải tự cùng thừa nhận, làm sao có bất định? Cần phải thêm luận ư?

Hỏi: Sắc, tâm, tâm sở tức là nhân hay không phải nhân? Giả sử la

nhân như vậy là lỗi gì?

Đáp: Cả hai đều có lỗi, nếu nói nhân, nhân chỉ lấy nghĩa tác dụng không khác sắc tâm kia, đâu lấy thể của nó. Lại nhân là nghĩa hữu pháp, nếu thật sắc tâm nương giả được v.v... đâu chẳng phải đảo ngược?

Hỏi: Nếu chẳng phải nhân, thành chẳng phải thật tông. Thật sắc tâm v.v... lẽ nào chẳng phải dị dụ? Nhân ở nơi chuyển kia, sao chẳng phải bất định? Sắc tâm cũng chẳng phải dị sắc tâm v.v... có tác dụng?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Nhân nhiếp, tuy nhân chánh thủ chẳng phải tác dụng khác, sắc tâm chính là chỗ pháp bất dị, cho nên thuộc về nhân, chánh nhân nương tông không có lỗi nương ngược.

2. Dị dụ, nhân nên thêm rằng: Thừa nhận không lự ngại chẳng phải khác sắc tâm, và tác dụng các tâm sở khả đắc, lại không có bất định, sắc tâm, dị dụ, vì có lự, ngại. Hai giải thích mặc tình chọn lấy.

Luận: Rốt ráo không có v.v...

Xét luận Du-già quyển 16 có năm loại không có:

1. Chưa sinh nên không có, nghĩa là các hành vị lai.

2. Đã diệt nên không có, nghĩa là các hành quá khứ.

3. Xen nhau nên không có, nghĩa là các pháp do các tướng, hoặc xa lìa tánh, hoặc chẳng phải hữu tánh, hoặc các pháp khác cùng các pháp khác không hòa hợp tánh.

4. Thắng nghĩa nên không có, là do tự tánh ngôn thuyết thế tục giả lập an lập tánh của ngôn luận.

5. Rốt ráo không có, nghĩa là con của gái đá v.v...

Luận: Hoặc các thật pháp không nhiếp.

Sớ nói nhân giả thật đối nhau, nghĩa là các giả pháp, chính là các thật pháp, điều này phi lý, tông ấy được v.v... đều là các giả pháp, vì thật pháp nhiếp, nhân lại không thành, nên nay nói trừ sắc, tâm của bất tương ưng các v.v... thật pháp không nhiếp.

Biện rằng: Trong Quán sớ lựa chọn nhiều lớp, thật không có lỗi, vì sao luống dư thừa? Cho nên sớ lựa chọn rằng, ở đây nói sắc, tâm v.v. không nhiếp, đã nói sắc tâm không nhiếp, đâu không ngăn tùy một lỗi kia ư? Lại trong sớ nói: Không nói thừa nhận là tùy một bất thành, đây chính hiển bày tha tuy thật nhiếp, nói tự thừa nhận được thật pháp không nhiếp nên đặt lời thừa nhận. Nói thừa nhận có hai:

1. Thừa nhận sắc tâm thật pháp không nhiếp, tự tha đều thừa nhận, đối phương thừa nhận đắc cũng chẳng phải sắc tâm.

2. Thừa nhận chỉ là thật pháp không nhiếp, chỉ có tự tông thừa

nhận, lời thừa nhận rộng hẹp, lựa chọn lỗi chính là cùng tột, sớ vì sao chẳng phải lý?

Sớ: Nhân năng khởi có ba.

Người ngoài dùng ba nhân nói được năng khởi, tức ở phần sau trong luận người ngoài chống chế.

Sớ: Luận chủ có sáu vặn hỏi.

Dùng sáu vặn hỏi mà phá ba nhân.

Luận: Chưa được đã có lỗi, lẽ ra hằng không sinh.

Hỏi: Vị lai lẽ ra sinh, thiếu duyên không khởi cũng gọi là đã có lỗi, đây nhất định không sinh, được phi trạch diệt, nay vặn hỏi ở đây lẽ nào không tương phù?

Đáp: Trong luận nói tổng, lượng lẽ ra nên chọn.

Luận: Tất cả phi tình lẽ ra hằng không khởi.

Tông ấy không thừa nhận tha thân, phi tình mà lập được, nên Câu-xá luận quyển 4 ghi: "Chẳng phải tha tương tục, không có thành tựu pháp tha thân, chẳng phải phi tương tục, không có thành tựu, vì chẳng phải pháp phi tình".

Giải thích rằng: Nếu thành thân khác có nghiệp thú hướng thân, có lỗi tự tha xen tạp. Chẳng phải phi tương tục, nghĩa là phi tình, nếu thành phi tình, lại hoại pháp tánh, là hữu tình hay là phi tình?

Sớ: Cần duyên.

Tức trí Vô lậu muốn duyên Chân như mà liền có thể duyên, do trí có chủng tử hay khởi duyên hiện hành.

Sớ: Trước cần gì?

Không lìa pháp hữu tình, pháp tự thành tựu lẽ nào giả được sao?

Sớ: Sau tức không có.

Lìa pháp hữu tình, pháp thể tức không có, như lông rùa v.v... đâu nương lập được!

Luận: "Nhưng nương hữu tình" đến "lập ba loại thành tựu".

Hỏi: Đắc, hoạch, thành tựu, ba loại nào sai khác ư?

Đáp: Nếu theo tông Tiểu thừa tổng biệt có khác, được tổng biệt khác, cho nên Câu-xá luận quyển 4, đắc có hai loại: Một là chưa được đã mất nay được, hai là đã được không mất thành tựu, nên nghĩa của thể đồng, y môn tổng biệt phân sai biệt.

Giải thích hoạch, thành tựu có hai loại sai biệt. Có thuyết nói: Nếu pháp chưa được và được rồi, nay đều mới được, trên pháp đây đều được sáng lập đến sinh tướng tức gọi là hoạch, nếu lưu đến hiện đắc rồi không mất gọi là thành tựu, khi được không gọi là thành, thành tựu

không gọi là đắc. Như cổ đức giải thích: Thành thông cả cũ mới, đắc chỉ căn cứ mới, được mất trong ấy như phần Sao trong luận. Nếu Đại thừa thì nghĩa bèn thông, như pháp hiện hành, tuy chỉ có mới đắc, cũng được gọi là hiện hành thành tựu, chủng có tân huân vốn có hai loại sai khác, đều gọi là thành tựu, cũng gọi là đắc hoạch, cho nên luận Du-già quyển 52 ghi: "Thế nào là đắc, hoạch, thành tựu? Là như lược nói sinh duyên, nhiếp thọ, nhân tăng thạnh gọi là đắc".

Giải thích rằng: Chủng là nhân duyên sinh quả nên gọi là sinh duyên, do chủng có công năng sinh quả mới được có chủng gọi là nhiếp thọ, tức quả sở sinh gọi là tăng thạnh, hoặc chủng có thế dụng sinh quả kia gọi là tăng thạnh, tăng thạnh tức là nhân, do có công năng này giả lập là đắc, rộng có đồng dị như trong phần Sao ấy giải thích.

Hỏi: Đối với tha thân và trên phi tình ấy mà có đắc ư?

Đáp: Chánh biện như sớ, lại có hai thuyết:

1. Ngoại khí phi tình tự sở biến là chủng thành phi hiện, hiện hành phi tình chẳng phải nội thân, nếu thành tựu nó lẽ ra phải gọi là hữu tình, nếu tha sở biến chẳng phải tự chủng sinh, hoặc chủng tử hoặc hiện hành đều chẳng phải thành tựu. Nếu đối tha thân tự sở biến, là chủng thành phi hiện, nếu thành hiện hành phải tự thân nhiếp, nếu tha sở biến hoặc chủng, hoặc hiện, đều chẳng phải sở thành.

2. Phi tình và tha thân tự sở biến, chủng tử hiện hành đều thành, tuy chẳng phải chấp thọ nhiếp làm tự thể, từ tự chủng tử, chẳng phải ngoài khởi, vì tự thức biến, vì không lìa thức, nó cũng gọi là pháp có thể thành, tha biến ngoại khí tha thân hư không, gọi là chẳng phải có thể thành, vì chẳng phải tự chủng sinh, tự thức biến.

Biện rằng: Thuyết sau là thù thắng, không trái với duy thức, lại thuận ở sau nói biến tha phù trần chánh nghĩa đã nói. Nếu biến tha, khí hiện không thành, làm sao thọ phù trần và ngoại khí sắc của dụng tha? Lại lẽ nào sở thọ chỉ có chủng tử chẳng phải hiện hành mà nói chủng tử thành chẳng phải hiện hành thành ư?

Sớ: Nhưng năm mươi sáu.

Xét luận ấy ghi: Được y nhân, tự tại hiện hành phần vị kiến lập, đây lại có ba loại là chủng tử, tự tại, hiện hành thành tựu, lại không có dư. Sớ đối với Tạp Tập mà nêu ra, ý rõ là văn nói đắc v.v... không nói họ cùng Tạp Tập đồng một chỗ dẫn.

Sớ: "Đối Pháp quyển 5" đến "cũng gọi là không thành tựu".

Xét luận ấy ghi: Chủng tử thành, nghĩa là nếu sinh Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới ràng buộc phiền não, tùy phiền não do chủng tử thành

tựu, cho nên thành tựu và sinh đắc thiện.

Giải thích: Đây là bản luận, chỉ nói rõ phiền não và sinh đắc thiện, luận dựa vào chưa lìa dục dị sinh mà nói, nếu đã lìa dục hoặc sinh địa trên, tùy chỗ lìa dục, tức phiền não tùy phiền não địa đây, cũng thành tựu cũng không thành tựu chưa hại tùy miên, vì Đối trị đạo đã tổn, như thứ lớp và sinh đắc thiện tùy địa sở sinh, tức địa đây thành tựu.

Giải thích: Sư Tử Giác giải thích, bản luận chỉ nương thuyết Dục giới chưa lìa dục. Thích luận gồm căn cứ lìa dục sinh lên và hai cõi trên nói rõ thành không thành, đây tức Dục giới. Luận nói nếu sinh sắc giới Dục giới phiền não tùy phiền não ràng buộc, do chủng tử thành tựu, thành tựu cũng gọi là không thành tựu. Sắc, Vô sắc giới ràng buộc phiền não tùy phiền não, do chủng tử thành tựu, thành tựu và sinh đắc thiện. Nếu sinh Vô sắc giới Dục giới sắc giới, ràng buộc phiền não tùy phiền não, do vì chủng tử thành tựu, thành tựu cũng gọi là bất thành. Vô sắc giới ràng buộc phiền não tùy phiền não, vì do chủng tử thành tựu, thành tựu và sinh đắc thiện.

Giải thích rằng: Luận đây nói rõ hai cõi trên thành không thành tựu. Luận về sinh cõi trên ắt phục hoặc cõi dưới, cho nên trên đối dưới gọi là thành không thành, chủng ở danh thành, cõi ấy sinh đắc thiện không khởi cõi khác, cho nên đương địa đều gọi đó là thành.

Hỏi: Sinh hai cõi trên có lìa tự nhiễm, vì sao tự địa không gọi là bất thành?

Đáp: Vì văn lược, hoặc Dục giới trước nói lìa tự nhiễm gọi thành bất thành, trên nêu bày như vậy cho nên không nêu.

Hỏi: Như trên sắp trở xuống khởi ái hạ địa, đây tức chỉ có thành, tại sao gọi là cũng không thành?

Đáp: Căn cứ nhiều phần mà nói, lại y trên sinh không nói sinh ở sau, chẳng phải bỏ bớt bàn luận.

Hỏi: Khi sinh hai cõi hai địa trên cũng lìa ở nhiễm ở dưới, làm sao sinh lên hoặc đương giới tổng gọi là thành?

Đáp: Nương giới mà luận, không căn cứ địa mà nói.

Sớ: Không đâu mà không thành tựu.

Không có dụng phiền não gọi là không thành tựu.

Sớ: "Nhưng chuẩn theo Đối Pháp" đến "thông thành bất thành".

Như ở một cõi, các cõi khác sinh được mong hữu chủng nên gọi là thành tựu, hiện hành không khởi gọi là không thành tựu.

Sớ: "Do ở giới địa" đến "chỉ nói thành tựu".

Giải thích: Luận Đối Pháp không nói lý do, phiền não dung chứa

có khởi địa khác, đối với khởi không khởi gọi là thành bất thành, sinh đắc thiện pháp không khởi dị giới, không đồng phiền não, cho nên chỉ nói thành.

Sớ: Cũng không nói hiện hành gọi là chủng tử thành tựu.

Nhưng sinh đắc thiện chủng có dụng ấy tức gọi là thành tựu, không cần sinh hiện mới bắt đầu gọi là chủng tử thành tựu. Có thuyết nói, luận này Thức thứ tám đối với hiện hành cũng gọi là chủng, nên nay lựa chọn.

Biện rằng: Tuy có lý này nhưng trái với ý chỉ của sớ.

Sớ: "Đây y ngã kiến" đến "và không thành".

Đoạn ngã kiến này có hai thuyết:

1. Tức cùng đương địa hoặc Địa thứ chín đồng thời đoạn.

2. Địa thứ chín ngã kiến thứ sáu, đến Kim cang đều một thời đốn đoạn, nay y nghĩa đầu hoặc nghĩa sau, lúc lìa dục có đoạn chưa đoạn. Có thuyết nói, đứng về phục có thành, không thành.

Biện rằng: Không đúng, trong sớ tự nêu rằng, nếu Vô lậu đạo nương nhiễm chủng thể gọi thành bất thành, nên biết đứng về đoạn, nếu là phục là sắp về trước nói xong, cần gì nói lại!

Sớ: Như đoạn thiện căn dụng không thành.

Hỏi: Chánh đoạn thiện chỉ trừ sinh đắc, tại sao dụng gia hành không thành?

Đáp: Sinh đắc thiện yếu lúc ấy vẫn không có, Gia hành thiện mạnh làm sao nói có được? Lại nếu đoạn thiện lúc Gia hành vị, phương tiện thiện ấy mới khởi, sau mới chánh đoạn sinh đắc thiện. Nếu không như vậy tâm tà kiến kia lực nào năng đoạn mà sinh đắc thiện? Đây do tổng nói tà kiến đoạn thiện, tà kiến gia hành cũng gọi là tà kiến, tức đoạn hai thiện gia hành và sinh đắc, nếu căn bản tà kiến gọi là tà kiến, nói kiến đoạn thiện, chỉ có đoạn sinh đắc, các Thánh giáo nói đoạn ở thiện rộng hẹp không đồng, nên hiểu như đây.

Sớ: Do chủng loại ẩn khó biết v.v...

Hỏi: Xét Hiển Dương luận, chủng hợp thành một, hiện hành khai làm hai, tại sao không đồng?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Như trong Nghĩa Đăng.

2. Hiển Dương luận chủng tử loại đồng, cho nên hợp thành một, tướng hiện hành sai khác, nên khai ra hai loại.

Hỏi: Như trong Tiểu thừa đắc có ba loại, nghĩa là đồng thời, trước, sau, Đại thừa đồng chăng?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Đã không có hai đời không có trước sau đắc, chỉ tùy theo chỗ thành có thể gọi là pháp đồng thời.

2. Hoặc có thể nói nghĩa nên an lập riêng, như pháp hiện hành, do sức huân tập đắc mà không mất gọi là pháp hậu đắc, dẫn phát chủng tử làm sinh hiện hành gọi là pháp đắc trước. Thời trước sau này chỉ nương chủng lập, chủng tử hiện hành đồng thời gọi là pháp câu đắc, đắc của Vô vi gọi là chẳng phải trước sau.

Biện rằng: Lý tuy có thể thông, nhưng nghĩa hơi hẹp, không nói chủng có ba loại đắc. Nhưng nay giải thích, quá khứ vị lai tuy không có nhưng đối với hiện tại giả lập ba đời, nương ba dời như thứ lớp lập đắc sau, trước và đồng thời.

Sớ: Nay đắc của trạch diệt Đại thừa định thuộc đạo v.v...

Có thuyết nói đắc chỉ nương Hữu vi vì phần vị sai khác, Vô vi không có đắc, không có nghĩa công năng trước sau phần vị sai biệt, các luận đều nói đối với chủng và hiện kia mà lập đắc, chưa từng có chỗ đối với pháp Vô vi lập bất tương ưng, mà các chỗ nói đắc trạch diệt, do Giải thoát đạo chứng hội trạch diệt giả nói đắc, không kiến lập riêng bất tương ưng, cho nên đối với Vô vi chỉ có trí chứng.

Biện rằng: Xét giáo chuẩn lý, các pháp Vô vi cũng có đắc, cho nên luận Tạp Tập quyển 5 ghi: "Nghĩa là đối với pháp thiện, bất thiện, Vô ký, hoặc tăng hoặc giảm giả lập đắc, hoạch, thành tựu". Đã nói đối với thiện mà lập đắc v.v... Vô vi vì sao không có? Vì văn không ngăn. Nói tăng giảm tức là đắc, phi đắc, chứng đắc gọi là tăng, không đắc gọi là giảm.

Lại hỏi: Những gì gọi là nhân giải thoát đắc?

Đáp: Nếu đối với Chân như, trước đã tận khởi phiền não thô trọng, nếu gặp tùy thuận, đắc duyên đối trị lại có thể hằng hại, tánh kham nhậm này gọi là nhân giải thoát đắc.

Giải thích: Từ vô thỉ đến nay chướng chân mê lý gọi là trước khởi hoặc, thiện hữu chánh giáo gọi là tùy thuận đắc đối trị duyên, tánh kham nhậm đây tức năng đối trị, thể Vô lậu chủng, hoặc tức là hiện hành Vô lậu Thánh đạo, Vô lậu Thánh đạo tức là nhân giải thoát đắc, đã tự nói rõ đắc giải thoát, rõ biết Vô vi lập đắc có lỗi gì? Lại nói Thánh đạo là nhân năng đắc nên Vô vi đắc thuộc đạo năng đắc.

Lại xét trong Câu-xá, đắc của trạch diệt thuộc đạo năng đắc, phi trạch diệt đắc tùy thân sở y, tuy lại giáo Tiểu thừa Đại thừa không phá cũng có thể làm chứng. Đây nói hữu giáo, không đồng Hữu vi có nhiều

phần vị đắc thuộc sở đắc, nên các Thánh giáo không nói đủ cũng không có lỗi. Nhưng nói lý, lại thật thể Chân như chỉ một loại đối vọng không đồng, phân làm ba, bốn và sáu, tám v.v... nay mong chứng hội mà có không đồng, lập đắc có lỗi gì? Nếu không có phần vị không thừa nhận lập đắc, đã không có phần vị cũng nên không được nói nhiều sai biệt, kia đây nhân sai khác, quả thật không thể được, nên lập làm thiện.

Luận: Ngược lại đây giả lập không thành tựu.

Hỏi: Đã ngược với đắc v.v... là phi đắc cũng gọi là chẳng hoạch, chẳng thành, chẳng hoạch chẳng thành tại sao sai khác?

Đáp: Đại thừa không có văn, người tu Tiểu thừa giải thích rằng: Nghĩa là nếu hữu pháp trước chưa từng mất và sau khi đắc lại chỉ là nay mới mất, pháp phi đắc này thành lập đến sinh tướng lúc không thành gọi là chẳng hoạch, nếu lưu đến hiện tại gọi là thời chẳng thành, nhưng lúc chẳng hoạch chưa gọi là chẳng thành tựu, lúc chẳng thành tựu không gọi là chẳng hoạch.

Hỏi: Tiểu thừa phi đắc có trước pháp v.v... cả ba loại sai biệt. Đại thừa đồng ư?

Đáp: Có ba giải thích, ngược với nghĩa đắc ở trước, nghĩa chuẩn theo nên biết, đồng với Tiểu thừa lập cũng không ngại, chỉ có giả thật sai khác.

Sớ: Một, thuộc sở đắc v.v...

Thuộc nghĩa là hệ thuộc, tất cả năng đắc trên pháp Hữu vi đều thuộc sở đắc vì đồng Hữu vi.

Sớ: Hai, thuộc đạo năng đắc.

Đắc là Hữu vi, nên diệt năng đắc không thuộc sở đắc, vi, Vô vi sai khác, sáu hành đoạn hoặc, năng đắc này đắc tức là Hữu lậu, nếu trí Vô lậu chỗ chứng diệt đắc đắc tức Vô lậu. Tông có sáu hành mà năng đoạn hoặc đắc trạch diệt.

Sớ: Ba, thuộc sở y.

Hỏi: Tại sao như vậy?

Đáp: Hữu vi Vô vi sai khác, không thuộc phi trạch diệt chẳng phải lậu Vô lậu sở đắc, không thuộc đạo nên thuộc sở y.

Sớ: "Một, thuộc đạo" đến "thế đạo đắc".

Hỏi: Sáu hành đắc diệt, cũng do trí tuệ lựa chọn mới chứng, vì sao là phi trạch diệt?

Đáp: Nếu trí lựa chọn năng đoạn hoặc chủng hiển bày lý mới gọi trạch diệt. Sáu hành nếu không như vậy nên lý phi trạch diệt.

Sớ: Như cứu cánh đắc phi trạch diệt.

Như nhập kiến đạo, thân huỳnh môn v.v... hằng không sinh lại đều gọi là tất cánh đắc phi trạch diệt, lý ấy như trong Nghĩa Đăng.

Sớ: Ba, thuộc chủng tử v.v...

Duyên này thiếu pháp lại sinh nghĩa nên thuộc chủng tử.

Sớ: Chẳng phải tâm duyên chứng.

Đạo duyên sáu hành, chứng đạo Vô lậu.

Sớ: Thông Hữu lậu ba tánh.

Đủ như trong Nghĩa Đăng có nói.

Luận: "Loại này tuy nhiều" đến "gọi là dị sinh tánh".

Xét luận Bà-sa quyển 45 giải thích rằng: "Tôn giả Thế Hữu nói như vầy: hay khiến hữu tình khởi dị loại kiến, dị loại phiền não, tạo nghiệp dị loại, thọ sinh dị loại nên gọi là dị sinh. Lại nữa hay khiến hữu tình đọa vào cõi dị loại, nên đến dị thú nên thọ dị sinh gọi là dị sinh tánh".

Luận: Đối với các Thánh pháp vì chưa thành tựu.

Hỏi: Đã đối với các Thánh chưa thành tựu nên gọi là dị sinh, nếu đối với các Thánh tùy được một loại nên chỉ gọi là Thánh?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Nghĩa đồng với Tiểu thừa, không được tất cả pháp Thánh của Tam thừa gọi là dị sinh. Nếu được phần nhỏ tức gọi là Thánh, nên trong Câu-xá luận quyển 4 ghi: "Không được tại sao Thánh pháp gọi là dị sinh tánh? Nghĩa là không được tất cả". Đây không được rõ ràng khác với hoạch, hoặc khác ở đây nghĩa là chư Phật Thế Tôn cũng không thành tựu Thánh pháp Nhị thừa cũng gọi là dị sinh, nên biết không cần đủ được các Thánh mới gọi là Thánh. Đại thừa cũng vậy, ở sau nói nương hai chướng lập dị sinh tánh. Nhị thừa đoạn một tức chẳng phải dị sinh, tức đồng trong Câu-xá không được tất cả Thánh pháp gọi là dị sinh tánh, nếu được chút phần tức gọi là Thánh.

2. Cùng nghĩa Tát-bà-đa có sai khác, hàng Nhị thừa hồi tâm chưa đến cõi trên cũng gọi là Thánh, đắc trí sinh không, đoạn phiền não nên gọi là dị sinh, chưa được trí pháp không vì chưa đoạn sở tri. Nhưng y thuyết ấy đem làm thuận lý. Nay đây cũng nói đối các Thánh pháp không thành tựu.

Biện rằng: Nay lấy giải thích sau, như hàng Nhị thừa hồi thú Đại thừa đến Sơ địa gọi được Thánh tánh, nếu được tiểu Thánh tức toàn được, gọi là Thánh không có dị sinh, vì sao đến Sơ địa nói được Thánh? Nếu nói được Đại thừa thánh tánh kia gọi là đắc Thánh, trước khi chưa đắc Đại vì sao không gọi là dị sinh? Lại đây chỉ nói chưa thành các

Thánh gọi là dị sinh, không được nói được ít thì toàn gọi là Thánh.

Hỏi: Nhị thừa vô học trước khi chưa hồi tâm chỉ là Thánh tánh, hay đồng thời?

Đáp: Nếu tánh quyết định chỉ gọi là Thánh tánh vì tự quả mãn, nếu tánh bất định thì có hai loại:

1. Chỉ có bậc Thánh, căn cứ quả sở cầu nay đã đủ.

2. Đồng thời, tuy chưa hồi tâm cầu Đại thừa, nhưng có tánh chướng mà chưa hiển nên được đồng thời.

Hỏi: Đại thừa dị sinh tánh cả ba là phi đắc, trong đó phi đắc nào nhiếp?

Đáp: Thánh tánh tuy thông tự tại, hiện hành, chẳng phải chủng tử thành tựu, dị sinh trái lại, nên chỉ tự tại, hiện hành không thành.

Hỏi: Tự tại căn cứ có chủng tánh, tại sao cũng gọi là tự tại không thành?

Đáp: Tuy thể dụng hữu chủng không thành, nên cũng không thành, nếu dụng thành chẳng phải dị sinh. Có thuyết nói, đã tự nói y chướng chủng lập, cho nên lẽ ra chỉ nói gọi là chủng không thành.

Biện rằng: Đây chẳng phải là giải thích hay, nếu mong chướng chủng, đây tức chủng thành, vì sao gọi là không thành? Nên biết phi đắc mong chưa đắc gọi là phi đắc, như trước nói thiện.

Sớ: Chuẩn theo Câu-xá, Chánh Lý lập v.v...

Xét trong luận Câu-xá quyển 5, đây lại có hai loại: Một là không có sai biệt, hai là có sai biệt. Không sai biệt, nghĩa là các hữu tình đồng phần, tất cả hữu tình đều có. Có sai biệt là các cõi hữu tình, địa, thú, sinh chủng tánh nam nữ cận sự, bí-sô, học, vô học v.v... đều sai biệt đồng phần, một loại hữu tình đều có, lại có pháp đồng phần, nghĩa là tùy uẩn xứ giới.

Giải thích rằng: Tất cả hữu tình đồng có nên gọi là không sai biệt, sai biệt hữu tình đồng loại v.v... có gọi là có sai khác, chuẩn theo pháp đồng phần cũng hợp có hai, nhưng luận sơ lược. Lại như năm uẩn, nghĩa uẩn là đồng, nhân tương tợ đây gọi là không sai biệt, uẩn uẩn đều khác nhân tự tương tợ gọi là có sai biệt, giới xứ v.v... pháp đều phỏng theo đây.

Hỏi: Hữu tình đồng phần không có sai biệt làm một hay nhiều của thể?

Đáp: Có hai giải thích: Một là thể một, như mạng căn; hai là nhiều thể, như pháp sở y, sau nói có nương tựa, trước không có văn. Cho nên Chánh Lý luận ghi: "Thế nào là dị thục? Nghĩa là thú sinh v.v... đồng

phần. Tại sao gọi là Đẳng lưu? Nghĩa là chủng tánh v.v...". Lại trước nghiệp sớ dẫn đây là dị thục, hiện gia hành khởi gọi là Đẳng lưu, nếu đồng mạng căn tức chỉ có Dị thục làm sao có Đẳng lưu? Pháp ấy đồng phần cũng có hai giải thích, chuẩn theo trước có thể biết.

Sớ: Như sắc dị thục v.v...

Tức sắc nghiệp sở cảm trong năm căn của hữu tình gọi là dị thục, nếu các sắc bên ngoài và phi nghiệp sở cảm trong thân bên trong mà có hai phần là sắc đẳng lưu.

Sớ: Lại có các vặn hỏi chuẩn theo sinh mà lập.

Vặn hỏi rằng: Ngoại pháp phi thú sinh, phi thú sinh nên không có đồng phần, ngoài pháp phi thú sinh, phi thú sinh nên vô sinh v.v... Nếu nói ngoài pháp là Hữu vi, ngoài đồng trong pháp hữu sinh v.v... cũng nên ngoài pháp có tương tợ, ngoài đồng trong lập pháp đồng phần, do xưa có ngoài tông không có đồng phần nên lập vặn hỏi này.

Sớ: Đây lập ngoài chống chế đưa ra văn của tự luận.

Tức nêu ra thuận Chánh Lý.

Sớ: Sau lập vặn hỏi văn ngoài ý.

Không có văn luận, sớ chủ tự ý. Lại sư An Tuệ chống chế trong Câu-xá, cũng có vặn hỏi này, sớ chủ ít đồng.

Sớ: Nghĩa này lỗi với tông.

Lỗi tông Tiểu thừa, vốn không do tạo mà giải thích ở sắc, nay dùng tạo mà làm vặn hỏi đó, nên trái bản tông, tức căn cứ bản chấp lại vặn hỏi luận rằng: Chất ngại gọi là sắc, cho nên năng sở tạo đều nhiếp sắc, nhưng tương tợ nên lập đồng phần, đồng phần tương tợ vì sao không có?

Sớ: Giả sử muốn ngược lại Thắng luận v.v...

Đổi Thắng luận ấy đã nói đồng để làm đồng phần, gọi là ngược lại Thắng luận. Cho nên trong luận Câu-xá quyển 5 ghi: Lại phải hiển bày thành Thắng luận sở chấp, tông chấp kia có tổng đồng nghĩa, ở tất cả pháp chung đồng nói trí do đây phát sinh. Có thuyết nói: Khéo bàn luận gọi là Thắng luận, ngược lại diệu luận này ta không lập, lý cũng vặn hỏi biết. Kinh thừa nhận giả có, nay ngược lại là không có vì có lỗi trái giáo, nên nói vặn hỏi để biết.

Biện rằng: Giải thích trước là chính vì thuận sớ luận.

Sớ: Không đồng Tiểu thừa v.v...

Xét Thuận Chánh Lý quyển 13 ghi: "Thân hình, nghiệp dụng, lạc dục trong đây triển chuyển tương tợ nên gọi là đồng, phần là nghĩa của nhân, tức thật vật khác là đồng nhân đây nên gọi là đồng phần".

Sớ: Câu-xá Kinh bộ v.v...

Xét luận ấy ghi: Nếu vậy, nói đồng phần là thế nào? Tức lúc các hành của những loại ấy sinh, ở trong đó giả lập người đồng phần v.v... như các lúa mạch v.v... đồng phần.

Sớ: Và Vô sắc giới khởi tâm không đồng phần v.v...

Đây nêu hữu tông vặn hỏi Kinh bộ. Xét Thuận Chánh Lý quyển 13 ghi: "Nếu xứ không có sở dẫn dị thục năm sắc xứ bên trong, ở trong luận hoặc khi không có nghiệp sở dẫn chỗ ý thứ sáu", nghĩa là thời gian dài thức khởi nhiễm ô, hoặc thiện Hữu lậu và Vô lậu thức tương tục trong vị, không có nghiệp sở dẫn phần dị thục, nói thế nào là mạng?

Giải thích rằng: Ý vặn hỏi Chánh Lý ở cõi Vô sắc không có năm xứ bên trong, hoặc khởi các tâm không có ý dị thục, thế phần dị thục đối với nó đã không, làm sao nói là thọ? Sớ nêu bày vặn hỏi chỉ lấy ý kia không đủ văn ấy. Nói tâm không đồng phần tức là nhiễm ô, Hữu lậu thiện v.v... cùng nghĩa sở dẫn dị thục tâm sai biệt gọi là không đồng phần, tuy tâm Vô lậu cũng không đồng phần, Vô lậu, lậu sai biệt, nên nói riêng. Kinh bộ mạng căn có hai thuyết:

1. Chánh Lý nói nương sáu xứ lập.

2. Trong Câu-xá nói nương chúng đồng phần.

Nhưng sư Câu-xá chống chế phá trước rằng: Nếu nương dị thục lập là dị thục, nếu nương cái khác lập, tuy y luận lập chẳng phải tùy pháp ấy mà phán phân tánh, như danh cú v.v... y tiếng thiện ác.

Luận: Nhưng y thức này lập mạng căn.

Nếu y luận này chỉ nương chủng tử dùng làm mạng căn, mạng tức là căn, là Trì nghiệp thích. Nếu Hiển Dương luận nghĩa là nghiệp sở dẫn dị thục khi sáu xứ trụ quyết định gọi là mạng căn, Thức thứ tám hiện hành ở xứ thứ sáu lấy đó làm mạng căn, tức căn của mạng, căn là chủng, hoặc mạng tức căn, đều là hiện hành.

Sớ: Nói thức lựa chọn tương ưng pháp chủng.

Hỏi: Tâm vương tâm sở thứ tám đều là nghiệp sở dẫn, nên đồng có khả năng quyết định, đâu không nương chỗ chủng lập mạng?

Đáp: Có hai thuyết:

1. Nếu vậy một thân tức có sáu mạng, tùy chỗ nương chủng mà có sáu.

2. Nói y sáu diệt sinh ắt đồng, vì sự nghiệp v.v...

Luận nói thức chủng do yếu theo mạnh, như nói duy tâm cũng nhiếp tâm sở, lại câu dị thục, vì nghiệp sở dẫn, như y năm uẩn lập một đồng phần, mạng nương nhiều chủng thể cũng chỉ có một.

Biện rằng: Giải thích là chính, chủng tử tương ưng không có lực trì, như tướng sở biến không có thật dụng, dụng trì đã không nương đâu mà lập? Không do chút đồng khiến tất cả đồng.

Sớ: Chẳng phải thủ sinh thức hiện hành v.v...

Có thuyết nói, chủng này do nghiệp sở dẫn, có năng sinh thức một kỳ phần vị công năng sai biệt, y đây giả lập.

Biện rằng: Sớ giải thích là chính, giáo pháp Đại thừa Tiểu thừa không nói năng sinh gọi là mạng căn. Lại trong Câu-xá có bài tụng: Thể mạng căn tức thọ, năng trì hoãn và thức.

Tạp Tập luận ghi: Các uẩn tương tục giữ gìn quyết định khiến chúng đồng phần thường được an trụ hoặc trăm năm, gọi là mạng căn. Các luận Du-già, Hiển Dương, Ngũ Uẩn đều dùng trụ trì mà gọi mạng.

Hỏi: Nếu do nghĩa năng trì làm mạng, nghiệp chủng cũng có công năng trì sao không lấy?

Đáp: Đại thừa Tiểu thừa giáo đều nói mạng là sở dẫn dị thục Vô ký của nghiệp. Nếu lấy nghiệp chủng lại trái nghĩa trước, cho nên lựa chọn.

Sớ: Mạng căn không phụ thuộc v.v...

Xét quyển 57 ghi:

Hỏi: Mạng căn có những gì làm căn phần, trong hai mươi hai căn là phần căn nào?

Luận chủ đáp: Đây không có sở thuộc, nghiệp trước sở dẫn thời lượng quyết định mà kiến lập cho nên chỉ nói giả có.

Giải thích rằng: Nên biết mạng căn chẳng phải y hiện thức. Hiện thức tức thuộc ý căn.

Hỏi: Chủng từ hiện cũng thuộc ý xứ, sao không thuộc ư?

Đáp: Như hai người nam nữ, ba món Vô lậu căn, do sở y thân căn, chín căn phần nhỏ kia làm thể không gọi là không thuộc, đây chỉ nương trên chủng kia giả lập, không phải phần của sở y căn, nên gọi là không sở thuộc.

Hỏi: Y hiện giả lập không lấy hiện của thể, sao chẳng phải không thuộc?

Đáp: Chuẩn lý này y hiện giả lập không trái Du-già y văn Duy thức nói chủng, lại nương chủng lập có nhiều lý, cho nên lấy y chủng.

Hỏi: Trong ba khoa pháp xứ, pháp giới, hành uẩn nhiếp mạng, sao gọi là không thuộc?

Đáp: Giả lập mạng căn đứng về công năng khác, cho nên nói chẳng phải căn, chẳng phải pháp xứ nhiếp.

Biện rằng: Không đúng, ý Du-già hỏi trong hai mươi hai căn là căn phần nào, không nói ba khoa sở nhiếp, nên luận ấy nói:

Hỏi: Nam nữ hai căn nhưng căn phần nào?

Đáp: Là phần thân căn.

Hỏi: Ba căn rốt sau những căn phần nào?

Đáp: Là chín căn phần, nghĩa là tín v.v... chín căn.

Hỏi: Mạng căn những phần nào?

Đáp: Đây không có sở thuộc, chỉ có giả lập, chuẩn theo đây nên biết, đối với hai mươi hai căn nói nhiếp nhau.

Hỏi: Chủng có mới cũ y chủng nào lập?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Pháp nhĩ, mới cũ tùy theo sở ứng ấy nghiệp trước đã dẫn chánh làm nhân duyên sinh hiện thức, y chủng kia lập.

2. Y hai chủng lập, cộng làm nhân duyên sinh Thức thứ tám, thế lực v.v... nên hòa hợp tợ một, không thể nói có thể đều khác, không có lỗi hai mạng.

Xác quyết rằng, nay y trước nói, gọi là chủng tử đã có rất nhiều, không thể tất cả cộng sinh quả. Nhưng nay chủng mạng căn sở y, cần sinh huân trước, vì trước dẫn nghiệp.

Biện rằng: Hộ Pháp đã thừa nhận hợp dụng của mới cũ mạng căn sở y cũng nên như vậy, hoặc chỉ y cũ, hoặc chỉ y mới, hoặc thông y hai pháp, gặp duyên liền nương, không thể phân phán nhất định. Lại chỉ thừa nhận y mới cũ hai loại, không nói tất cả đều y, nói sở y chủng tướng phải sinh huân, tức duy mới cũ, tại sao xác quyết lấy giải thích trước?

Sớ: Lại là thức hiện hành sở trì.

Giải thích thứ hai này, ở đây trong giải thích, có ba ý:

1. Hiện hành, Hiển Dương sáu xứ đều là hiện hành, hiện hành tức là chủng thức sở trì.

2. Hiện hành, Hiển Dương sáu xứ là hiện thứ sáu, hiện thứ sáu là thứ tám hiện thức, thứ tám hiện Thức thức chủng sở trì.

3. Hiện hành, Hiển Dương sáu xứ là hiện hành. Thức sở trì, sáu hiện là Thức thứ tám kia trì, từ sở trì mà nói năng trì v.v... sáu hiện hiện tám tổng gọi là sở trì tám chủng trì. Tuy có ba nghĩa, giải thích trước là chính, giải thích sau hai lý thông.

Sớ: Tuy hai cách giải, trước lại giải thích trở trên gọi là giải thích thứ nhất, lại giải ở sau thành giải thứ hai.

Sớ: Hoặc thức chủng hoặc lục xứ chủng v.v...

Nêu lại hai cách giải trước, thức chủng thứ nhất, lục xứ thứ hai.

Sớ: Thủ năm căn chủng v.v...

Hỏi: Đã dùng chủng tử gọi là mạng căn, hiện lập gián đoạn mà chủng không mất, đâu được vặn hỏi rằng lẽ ra gọi là chết.

Đáp: Chủng có công năng hiện không nên đoạn, hiện hành đã đoạn nói chủng không công năng, công năng đã mất vậy sao không gọi là chết. Có thuyết nói lấy sáu căn chủng lập mạn làm thiện.

Biện rằng: Không đúng, có phần bỏ mạng, mạng ba cõi sai khác, lỗi của chủng chủng, như trong sớ đoạn thiện.

Luận: Lẽ ra khi Vô sắc có thật pháp sai biệt v.v...

Trong sớ tạm nêu bày có năm hỏi đáp, chuẩn theo lý nói họ vặn hỏi chưa dứt. Lại ngược thứ năm rằng: Tâm pháp thông năng nhàm chán, chỉ có tâm chủng gọi là vô tâm. Sắc pháp chỉ có sở nhàm chán, chỉ có tâm pháp gọi là Vô sắc, ngoài nói cũng vậy, tâm pháp thông năng nhàm, phi sắc phi tâm gọi là vô tâm, sắc pháp chỉ có sở nhàm, chỉ có tâm tâm pháp gọi là Vô sắc, cho nên chưa dứt tranh cãi. Lại giải thích trong sớ thứ hai vặn hỏi người ngoài, trong truyện bốn sư giải thích:

1. Nhàm tâm năng nhàm không có, y chủng lập vô tâm, nhàm sắc năng nhàm còn, không y chủng giả lập, đây giải thích không đúng, người ngoài nói cũng như vậy nhàm tâm năng nhàm không có, có sai biệt thật pháp ngại, nhàm sắc năng nhàm còn, không có thật pháp ngăn.

2. Ta nói vô tâm là giả pháp, cho nên ở hai vị có không bất định, ông nói thật có không y sắc tâm, tại sao không thừa nhận hai chỗ đều có? Đây cũng không đúng. Người ngoài vặn hỏi rằng: Ông đã là giả một cái có một cái không, nào ngại ngã thật một không một có.

3. Nói nhàm tâm nhập vô tâm y nhàm tâm chủng lập, nhàm sắc nhập Vô sắc, cũng nương nhàm tâm chủng lập, đây cũng không đúng, nhàm tâm tâm không hành, có thể nương tâm chủng lập, nhàm sắc tâm còn hành, đâu được nương tâm chủng, lại không có Thánh giáo nói Vô sắc định là giả lập.

4. Vì phá chấp thật y chủng lập giả, thật chấp nêu không giả cũng không có, đây cũng không đúng. Lại diệt tận định Tam thừa thông đắc lẽ nào vì đối chấp mà thi thiết ư?

Biện rằng: Xem các giải thích trước tuy gồm có lý đều chưa gạn cùng, nay có thêm hai giải thích.

1. Ngã vô tâm định năng nhàm không có, vô tâm y tâm chủng giả lập, Vô sắc năng nhàm tâm không dứt, Vô sắc không nương sắc chủng lập, ông Vô sắc định, năng nhàm còn, Vô sắc dung chứa thật không

nương cái khác, vô tâm năng nhàm đã nói vô, vô tâm nên mượn y tha lập, do tông ấy nói phi sắc phi tâm làm định thể, không nói y tha mà giả lập, nên vì đây vặn hỏi.

2. Do Vô sắc định, hoặc tha như vậy. Không dứt tha chống chế, ý suy nghĩ có thể biết, do đây cho nên có giả thứ hai ngăn phi thật phá.

Luận: Giả cũng có thể ngăn v.v...

Sớ nói cực vi là thật hòa hợp là giả, lại nói bình v.v... của tông ấy có thể ngăn thật không thể ngăn, đây đều là lầm, tất cả năng thành, sở thành của hữu tông đều là thật, tức sở thành thật cũng là năng ngăn.

Biện rằng: Có tông sở thành năm trần tuy thật, trần hợp thành bình, bình v.v... là giả. Lại sớ nói pháp thật cực vi mà không thể ngăn, vì không hòa hợp, rõ biết sở thành đã là hòa hợp, thừa nhận là năng ngăn, một thuyết tại sao vọng phá, lại sớ đây ban đầu dùng bốn câu biện tông sai biệt, nói Tát-bà-đa thô tế đều thật, lẽ nào có thể trước sau tự mâu thuẫn ư? Văn sớ văn ước lược mà nghĩa rộng khắp.

Sớ: Đây dẫn có biệt pháp v.v...

Đây là Câu-xá.

Hỏi: Xét trong Câu-xá nói, nếu sinh trong cõi trời vô tưởng hữu tình, hữu pháp hay khiến tâm tâm sở diệt gọi là vô tưởng, là thật có vật có thể ngăn tâm vị lai tâm sở pháp, khiến tạm không khởi, như đập ngăn nước sông. Đã chứng vô tưởng là thật có vật, tại sao nói sai? Nghĩa là giả thật dùng làm dụ ư?

Đáp: Ý dụ thành, hữu pháp trước hay khiến tâm tâm sở diệt, hiển bày sở ngăn người ngoài mà có năng ngăn không thành thật có, nếu không như vậy thì hữu tông, Kinh bộ đều thừa nhận đập nước v.v... chẳng phải là thật có, là dụ của thật, dụ lẽ nào không có cả hai sở lập không thành lỗi? Vì lìa lỗi này cho nên không thành thật, đây chính là sớ chủ thâm đắc ý chỉ. Nói như đê đập cùng lượng người ngoài làm lỗi bất định, nghĩa là người ngoài lượng rằng, hai loại vô tâm định, vô tưởng dị thục, định là thật có là vì năng ngăn, như định Vô sắc, cùng làm lỗi rằng, vì như định Vô sắc là năng ngăn là thật có ư? Vì như bờ đê, là năng ngăn cho nên chẳng phải thật có chăng?

Biện rằng: Pháp này là lỗi sai biệt, do thật có pháp tự tướng, lìa sắc tâm thật có, không lìa sắc tâm thật có là pháp sai biệt, có ý tông thành lìa sắc tâm có không có sắc định là không lìa tâm, trái lại làm dị dụ, nhân chuyển kia thành lỗi sai biệt.

Luận: Phát kỳ nguyện thù thắng v.v...

Hỏi: Trong gia hành cũng năng phát chăng?

Đáp: Có hai giải thích: Một là năng phát, hai là ban đầu tu chuyên chú tâm nhàm không có cơ hội năng phát. Nếu được tự tại, phát không có lỗi.

Luận: Trước vô tướng định cầu quả vô tưởng, cho nên sở huân chủng chiêu lấy dị thục thức.

Trong tâm thấu tỏ, cầu quả vô tưởng, tâm nhỏ nhiệm sở huân thành chủng làm dị thục nhân năng chiêu lấy dị thục, trong tâm nhỏ nhiệm hành tưởng yếu kém, chẳng phải riêng năng cầu dị thục ngay đó.

Biện rằng: Luận tự nói rõ Vô tưởng định trước cầu quả vô tưởng không lựa chọn xa gần, tâm nhỏ nhiệm lẽ nào chẳng phải định trước? Nếu tâm nhỏ nhiệm kém không cầu, tại sao trước nói khi tâm nhỏ nhiệm huân dị thục thức thành tăng thượng tâm nhàm các chủng? Lẽ nào hiện hành kém sở huân đắc chủng bèn thành tăng thượng? Cho nên hành tướng tế gọi là nhỏ nhiệm, chẳng phải căn cứ hơi kém gọi là nhỏ nhiệm, nên sớ nói là chính.

Sớ: Khi tâm minh liễu chiêu lấy dị thục.

Tức tâm nhỏ nhiệm gọi là minh liễu, đối vô tâm ấy nên gọi là minh liễu, thứ hai giải thích nói tâm minh liễu đối tâm nhỏ nhiệm gọi là minh liễu.

Sớ: "Đây nói tuy tổng" đến "hai quả sai khác".

Một chủng tử thể ước lược, vị trước sau chiêu lấy hai loại quả v.v... khi tâm nhỏ nhặt diệt rồi tức không có, tại sao riêng nói chiêu lấy tổng dị thục? Cho nên cũng chẳng phải lý, nếu y biệt báo chuyển thức các căn nói biệt nghiệp chiêu lấy tức không có lỗi. Nhưng nên nói minh liễu tâm v.v... chiêu lấy biệt dị thục khi tâm nhỏ nhiệm chiêu lấy tổng dị thục hoặc tâm nhỏ nhiệm thông chiêu lấy tổng biệt. Luận Du-già ghi: Năng dẫn định tư năng cảm quả dị thục của cõi trời kia, tại sao trái giáo nói ngược chiêu lấy sai khác?

Biện rằng: Nếu nói minh liễu chiêu lấy chuyển thức biệt báo dị thục, tâm nhỏ nhiệm chiêu lấy tổng báo dị thục ấy, vô tưởng dị thục giả cho nên không chiêu lấy, tại sao Thánh nói nhân vô tưởng định, vô tưởng dị thục mà thành quả? Giả gọi là chiêu lấy, như trong Nghĩa Đăng có chép đủ.

Sớ: "Vô tâm trở đi" đến "vô tưởng dị thục".

Tức là trên các chủng tử của Thức thứ sáu của cõi trời kia khéo ngăn Thức thứ sáu của địa ấy, hiện không khởi công năng gọi là thể vô tưởng dị thục.

Sớ: Cho nên giải thích trước thù thắng. Hỏi: Thắng
nghĩa thế nào?

Đáp: Nói vô tưởng định chiêu lấy quả ấy, do chủng vi tế kiến lập định, do trước chẳng phải định, nếu thủ tâm trước mà cảm định ấy, làm sao nói do định sinh cõi ấy? Lại biệt báo ấy mà không có tự thể, làm sao thật chủng có thể chiêu lấy cõi ấy? Cho nên giải thích trước thù thắng. Sớ nói tâm nhỏ nhiệm mỗi mỗi chiêu lấy một quả, nay không nương nó.

Biện rằng: Sớ đã đoạn xong, đâu cần phiền lập lại?

Sớ: Nay giải thích v.v...

Sớ chủ đưa ra sự thể vô tưởng ấy, trong sớ nói có hai giải thích. Lại có thuyết nói, luận vốn có biệt báo dị thục chuyển thức đầu tiên tạm khởi sức nhân duyên đời trước, sau không sinh lại. Cho nên y Thức thứ tám sinh được tâm Vô ký tâm sở diệt, đã không có hành vị giả lập vô tưởng, khi vô sinh ấy đắc tâm tâm sở, y Thức thứ tám hiện hành ấy mà giả kiến lập vô tưởng dị thục, vô tưởng dị thục đã là quả chẳng phải nhân, cho nên không thể nói y chủng tử lập, có nghĩa đoạn đây dùng làm chánh thuyết.

Biện rằng: Y chủng là chính, nếu nói vị ấy có hiện hành Thức thứ tám cho nên y lập, hai loại định vô tâm cũng có Thức thứ tám, sao không nương lập, mà nương chủng? Nếu nói là quả ở sau nương chủng, chủng giúp hiện hành huân chủng nên chẳng phải quả, công năng trên chủng lại thường thường thời định thành quả lỗi gì?

Sớ: Thiện v.v... tâm hằng hành v.v...

Đồng nói hữu phú vô phú ấy, đường dài khởi gọi là hằng hành, chẳng phải không gián đoạn gọi là hằng hành. Hoặc sớ bỏ qua, lẽ ra nên nói không hằng hành.

Sớ: Vô tưởng dị thục thông Trì nghiệp, Y sĩ.

Đương thể lập danh tức Trì nghiệp, từ nhân được tên gọi là nên
Y sĩ.

■